

PGS, TS. PHẠM VĂN LINH - TS. NGUYỄN TIẾN HOÀNG

VỀ NHỮNG ĐIỂM MỚI
CỦA CƯƠNG LĨNH XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC
TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI
(BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN NĂM 2011)

(Tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu các văn kiện Đại hội XI)

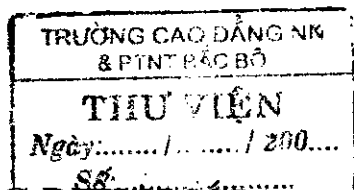


NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

VỀ NHỮNG ĐIỂM MỚI
CỦA CƯƠNG LĨNH XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC
TRONG THỜI KỶ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI
(BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN NĂM 2011)

Mã số: $\frac{3KV}{CTQG - 2011}$

PGS, TS. PHẠM VĂN LINH - TS. NGUYỄN TIẾN HOÀNG



VỀ NHỮNG ĐIỂM MỚI

**CỦA CƯƠNG LĨNH XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC
TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI
(BỔ SUNG, PHÁT TRIỂN NĂM 2011).**

(Tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu các văn kiện Đại hội XI)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
Hà Nội - 2011

REPUBLICAN PARTY - 1954 - 1955

1954

1955

1956

1957

REPUBLICAN PARTY - 1954 - 1955 - 1956 - 1957

REPUBLICAN PARTY - 1954 - 1955 - 1956 - 1957

1958

REPUBLICAN PARTY - 1954 - 1955 - 1956 - 1957 - 1958

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (gọi tắt là Cương lĩnh năm 1991) được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng thông qua đến nay đã được 20 năm.

Qua tổng kết lý luận và thực tiễn 25 năm đổi mới, 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, chúng ta thấy rõ giá trị định hướng và chỉ đạo to lớn của Cương lĩnh năm 1991, đồng thời cũng thấy những vấn đề cần nghiên cứu, bổ sung và phát triển Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) do Đại hội XI thông qua là bước phát triển mới về lý luận và thực tiễn so với Cương lĩnh năm 1991.

Để giúp bạn đọc có thêm tư liệu đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, quán triệt, học tập các văn kiện Đại hội XI, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật xuất bản cuốn sách *Về những điểm mới của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)* của PGS. TS. Phạm Văn Linh và TS. Nguyễn Tiến Hoàng. Cuốn sách tập trung phân tích, làm rõ những điểm mới của Cương lĩnh xây dựng đất nước

trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011).

Xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 4 năm 2011

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

LỜI NÓI ĐẦU

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã thông qua các văn kiện quan trọng không chỉ có ý nghĩa trước mắt mà còn có ý nghĩa chiến lược lâu dài đối với sự phát triển của nước ta như: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*, *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020*, *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam...*

Để đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, quán triệt, học tập nghị quyết sau mỗi kỳ Đại hội Đảng, Ban Tuyên giáo Trung ương triển khai xây dựng bốn loại tài liệu:

- *Tài liệu nghiên cứu các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (Dùng cho cán bộ chủ chốt và báo cáo viên)*. Tài liệu bám sát những nội dung cơ bản của các văn kiện, đồng thời, nêu lên những điểm mới trong nội dung các văn kiện.

- Tài liệu học tập các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (Dùng cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở). Tài liệu bám sát nội dung cơ bản của các văn kiện, được trình bày ngắn gọn, dễ hiểu, dễ tiếp thu.

- Tài liệu hỏi - đáp các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (Dùng cho đoàn viên, hội viên các đoàn thể chính trị - xã hội và tuyên truyền trong nhân dân), bao gồm những vấn đề cơ bản nhất, quan trọng nhất và trình bày dưới hình thức hỏi-đáp. Các câu hỏi và trả lời ngắn gọn và dễ hiểu, dễ tiếp thu.

- Tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng bổ sung tư liệu cho các tài liệu trên, cũng như cho những người quan tâm nghiên cứu sâu hơn về đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Do yêu cầu phải trình bày ngắn gọn các quan điểm, tư tưởng của các văn kiện Đại hội XI nên các tài liệu nghiên cứu, học tập chưa có điều kiện trình bày kỹ về những điểm mới trong các văn kiện. Để góp phần giúp độc giả tìm hiểu sâu hơn về các điểm mới của văn kiện Đại hội XI, đặc biệt là những người có trách nhiệm truyền đạt nội dung các văn kiện trong các lớp nghiên cứu, quán triệt văn kiện Đại hội, những người nghiên cứu, giảng dạy lý luận chính trị, những người làm công tác tham mưu, hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, trên cơ sở những tư liệu, tài liệu, kết quả nghiên cứu, tổng kết lý luận và thực tiễn phục vụ

xây dựng các văn kiện Đại hội XI của Đảng, chúng tôi tổng hợp thành tài liệu tham khảo **“Về những điểm mới của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)”**.

Tài liệu được viết theo thứ tự nội dung từ Cương lĩnh năm 1991 đến Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) nên có thể dùng để tra cứu, tham khảo theo từng phần. Hy vọng tài liệu thỏa mãn phần nào nhu cầu tìm hiểu các văn kiện Đại hội XI của độc giả.

Chúng tôi xin giới thiệu cùng bạn đọc.

CÁC TÁC GIẢ

The first part of the report is devoted to a general
description of the work done during the year. It
is followed by a detailed account of the various
experiments conducted, and the results obtained.
The final part of the report contains a summary
of the work done, and a list of references.

Very truly yours,
[Signature]

Phân mở đầu

**MỘT SỐ NHẬN ĐỊNH CHUNG VỀ
NHỮNG ĐIỂM MỚI¹ CỦA CƯƠNG LĨNH
XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC TRONG THỜI KỲ
QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI
(bổ sung, phát triển năm 2011)**

Cương lĩnh của Đảng là một văn kiện quan trọng nhất, là tuyên ngôn chính trị của Đảng. Cương lĩnh trình bày những quan điểm cơ bản của Đảng về các vấn đề chính trị - xã hội đương đại, thái độ của Đảng trong việc giải quyết các vấn đề đó, đồng thời, định hướng con đường đi lên của đất nước trong một giai đoạn tương đối dài.

Vào cuối thập kỷ 80 và đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX, bối cảnh thế giới đã có nhiều biến đổi sâu sắc; chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, chủ nghĩa Mác-Lênin, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội... trải qua thử thách gay gắt...

1. Điểm mới ở đây được hiểu theo nghĩa trong so sánh với “Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội” được Đại hội VII của Đảng thông qua năm 1991.

Trước tình hình đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, gọi tắt là *Cương lĩnh năm 1991*.

Trong Cương lĩnh năm 1991, Đảng Cộng sản Việt Nam trình bày thái độ của mình về quá trình cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo từ khi thành lập; đánh giá về thời đại, về tình hình quốc tế và trong nước lúc đó, về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về chủ nghĩa xã hội; đề ra mục tiêu và phương hướng phát triển đất nước trong suốt thời kỳ quá độ.

Cương lĩnh năm 1991 trở thành vũ khí tư tưởng, lý luận, định hướng về tư tưởng và lý luận cho toàn Đảng, toàn dân tiếp tục đi theo con đường xã hội chủ nghĩa trong điều kiện thế giới đầy khó khăn và phức tạp lúc đó.

Sau 20 năm kể từ khi Cương lĩnh năm 1991 ra đời, tình hình trong nước và thế giới đã có những biến đổi sâu sắc. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, quá trình toàn cầu hóa tiếp tục diễn ra mạnh mẽ; Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào thế giới và khu vực, ngày càng được nhiều nước công nhận là nền kinh tế thị trường; giao lưu văn hóa, xã hội diễn ra mạnh mẽ... Trước tình hình đó, đòi hỏi Đảng phải bày tỏ rõ quan điểm, thái độ của mình và định hướng con đường đi lên của đất nước trong thời kỳ từ nay đến giữa thế kỷ XXI. Do đó, Đại hội XI của Đảng thông qua **Cương lĩnh xây**

dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011).

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), gọi tắt là Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), kế thừa những quan điểm, tư tưởng cơ bản của Cương lĩnh năm 1991 như:

- Tiếp tục khẳng định, kể từ khi thành lập đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam làm cách mạng và thu được những thành tựu to lớn. Đó là: lật đổ chế độ thuộc địa nửa phong kiến, đưa Việt Nam bước vào kỷ nguyên độc lập, tự do; tiến hành hai cuộc kháng chiến thắng lợi, lập lại hòa bình, thống nhất nước nhà; thực hiện đường lối đổi mới, đem lại ấm no, hạnh phúc cho nhân dân... Bên cạnh đó, Đảng cũng phạm một số sai lầm, khuyết điểm.

- Tiếp tục khẳng định những bài học kinh nghiệm lớn mà Cương lĩnh năm 1991 đưa ra.

- Tiếp tục khẳng định về chủ nghĩa tư bản vẫn còn tiềm năng phát triển nhưng không thay đổi bản chất của nó; về thời đại ngày nay vẫn là thời đại loài người đang đi lên chủ nghĩa xã hội (khẳng định loài người nhất định sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội); về chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu đã đạt được những thành tựu to lớn; về cách mạng khoa học và công nghệ, toàn cầu hóa; về các vấn đề xã hội, những khó khăn của chủ nghĩa xã hội...

- Tiếp tục khẳng định về những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng, về con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, các mục tiêu mà chúng ta cần đạt được qua một số giai đoạn.

- Tiếp tục khẳng định những phương hướng cơ bản chúng ta cần thực hiện để đạt được các mục tiêu đã đề ra.

- Tiếp tục khẳng định nội dung cơ bản trong các định hướng phát triển trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục khẳng định về vị trí, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với xã hội, về bản chất của Đảng, về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng, phương hướng củng cố, xây dựng Đảng...

Mặc dù về cơ bản kế thừa các quan điểm, tư tưởng của Cương lĩnh năm 1991, nhưng **Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)** cũng có nhiều **điểm mới** (bổ sung, phát triển) so với Cương lĩnh năm 1991 như:

Thứ nhất, những quan điểm, tư tưởng kế thừa được trình bày chặt chẽ, khoa học hơn, gọn hơn, phù hợp với nhận thức hiện nay.

Thứ hai, bổ sung thành tựu của cách mạng sau 20 năm kể từ khi Cương lĩnh năm 1991 ra đời.

Thứ ba, bổ sung, cụ thể hóa một số nội dung trong một số bài học.

Thứ tư, bổ sung đánh giá về đặc điểm của giai đoạn hiện nay của thời đại là sự cùng tồn tại hòa bình của các chế độ xã hội khác nhau; về xu thế lớn của bối cảnh thế giới ngày nay (hòa bình, độc lập dân tộc, hợp tác và phát triển bên cạnh xung đột sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp đất đai, tài nguyên...); các nước xã hội chủ nghĩa còn lại tiếp tục phát triển; phong trào cộng sản, công nhân phục hồi nhưng còn khó khăn; châu Á - Thái Bình Dương là khu vực phát triển năng động...

Thứ năm, bổ sung về những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng hai đặc trưng: đặc trưng bao trùm (dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh) và đặc trưng về Nhà nước (có Nhà nước pháp quyền mà khi đó, vào năm 1991 chưa được nhận thức thống nhất), đồng thời điều chỉnh đặc trưng về kinh tế ("có quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp" thay cho "chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu") và một số đặc trưng khác.

Thứ sáu, bổ sung, cụ thể hóa một số nội dung về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Thứ bảy, bổ sung, phát triển một số nội dung trong các phương hướng cơ bản.

Thứ tám, bổ sung nội dung về việc nắm vững và giải quyết tốt các mối quan hệ trong thực hiện các phương hướng cơ bản.

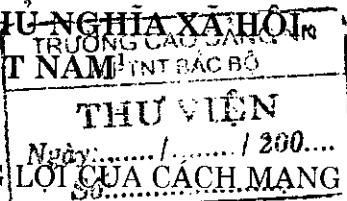
Thứ chín, xác định, điều chỉnh cụ thể hơn mục tiêu phát triển đất nước.

Thứ mười, điều chỉnh, bổ sung nhiều điểm trong định hướng phát triển các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Thứ mười một, phát triển cách diễn đạt về bản chất của Đảng cho phù hợp hơn với nhiệm vụ đoàn kết toàn dân tộc trong giai đoạn hiện nay...

Phần thứ nhất

VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ
QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI
Ở VIỆT NAM



I. VỀ NHỮNG THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG
VIỆT NAM VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Về những thắng lợi của cách mạng Việt Nam

Sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu tan rã, trên thế giới cũng như Việt Nam, rất nhiều người dao động, mất niềm tin vào con đường xã hội chủ nghĩa. Có sự nhìn nhận, đánh giá lại công lao của cách mạng của các đảng cộng sản và công nhân. Ở Việt Nam, điều đó cũng không loại trừ. Chính vì vậy, Cương lĩnh năm 1991 dành riêng một mục để viết về quá trình cách mạng Việt Nam.

Cương lĩnh năm 1991 đã trình bày khái quát *quá trình cách mạng Việt Nam* từ khi có Đảng lãnh đạo (1930)

1. Tiêu đề các phần, các mục do các tác giả đặt, không phải tên của các phần, mục trong Cương lĩnh.

đến năm 1991, từ đó, nêu lên những thắng lợi vĩ đại mà cách mạng Việt Nam đã đạt được và rút ra các bài học kinh nghiệm.

Cương lĩnh năm 1991 đã trình bày bốn thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam:

- Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám:

Làm cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do.

- Thắng lợi của hai cuộc kháng chiến:

Đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, giải phóng nửa nước, miền Bắc chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa; kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

- Thắng lợi của sự nghiệp xây dựng đất nước trong điều kiện hòa bình:

Sau thắng lợi lịch sử mùa Xuân 1975, nhân dân ta tiếp tục nêu cao chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng và đã đạt được những thành tựu to lớn: thiết lập chính quyền nhân dân ở cả miền Nam, thống nhất nước nhà; khôi phục kinh tế, khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh; từng bước xây dựng quan hệ sản xuất mới và cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; bảo vệ vững chắc Tổ quốc; làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

- Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới:

Công cuộc đổi mới qua hơn bốn năm đã đạt những thành tựu bước đầu rất quan trọng. Tình hình kinh tế - xã hội có chuyển biến tích cực, tạo thế đi lên và khẳng định con đường chúng ta đang đi là đúng.

Cách mạng không phải lúc nào cũng gắn liền với thắng lợi, với thuận lợi, thành công. Chính vì vậy, với tinh thần khách quan và đổi mới, Cương lĩnh năm 1991 đã trình bày về những sai lầm, khuyết điểm của Đảng: Đảng đã phạm sai lầm chủ quan duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan: nóng vội trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, xoá bỏ ngay nền kinh tế nhiều thành phần; có lúc đẩy mạnh quá mức việc xây dựng công nghiệp nặng; duy trì quá lâu cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp; có nhiều chủ trương sai trong việc cải cách giá cả, tiền tệ, tiền lương. Công tác tư tưởng và tổ chức cán bộ phạm nhiều khuyết điểm nghiêm trọng.

Từ sau Đại hội VII, những thành tựu, hạn chế... của cách mạng Việt Nam được Đảng tiếp tục nhìn nhận, đánh giá, bổ sung và phát triển trong các văn kiện của Đảng.

Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII đã chỉ ra bốn nguy cơ, thách thức và các cơ hội lớn của đất nước trong tình hình mới. Đại hội VIII nhận định đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và có tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ phát triển mới: thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Đặc biệt, Đại hội IX đã một lần nữa đánh giá tổng quát về tiến trình cách mạng Việt Nam trong mối liên hệ với cách mạng thế giới.

Những đánh giá về công cuộc đổi mới đã từng bước được đưa ra một cách kịp thời trong văn kiện của các Đại hội VIII, Đại hội IX và Đại hội X. Đại hội X đã đánh giá tổng quát về 20 năm đổi mới.

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), trên cơ sở kế thừa những kết quả nghiên cứu, tổng kết từ sau Đại hội VII tiếp tục khẳng định ba thắng lợi vĩ đại như Cương lĩnh năm 1991, đồng thời bổ sung thành tựu do 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991 đem lại (“thắng lợi của công cuộc đổi mới, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”)¹.

Chúng ta có thể không cần thiết đặt thắng lợi của sự nghiệp xây dựng hòa bình sau năm 1975 là một thắng lợi riêng vì trong thời kỳ này có một số sai lầm, khuyết điểm, còn những thành tựu của giai đoạn này có thể xem là hệ quả do hai cuộc kháng chiến đưa lại, đồng thời, được kết tinh vào thắng lợi của sự nghiệp đổi mới sau này.

1. Về công cuộc cải tạo và xây dựng kinh tế - xã hội ở miền Bắc trước đây và cả nước sau năm 1975 mà Cương lĩnh năm 1991 có viết, coi như bộ phận của những thắng lợi kể trên nên Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) không nhắc đến.

Ngoài ra, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) cũng bổ sung *nhận định chung* về kết quả chung mà các thắng lợi đã mang lại trong hơn 80 năm qua:

- Nước ta từ một xứ thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa;

- Nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội;

- Đất nước ta đã thoát khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, đang đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới.

2. Về những bài học lớn từ thực tiễn cách mạng Việt Nam

Trên cơ sở tổng kết hơn 60 năm cách mạng Việt Nam, Cương lĩnh năm 1991 đã rút ra năm bài học lớn, gồm:

Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết.

Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.

Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đảng phải nắm vững, vận dụng sáng tạo và

góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Mỗi nhiệm kỳ Đại hội, Đảng ta đều có bổ sung, phát triển một số khía cạnh, làm phong phú thêm các bài học đó. Đến Đại hội X, trên cơ sở tổng kết thực tiễn 20 năm đổi mới, Đảng ta đã rút ra năm bài học lớn, gồm: phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phải nhận thức đúng, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, lấy đó làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng; đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp; đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới; phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức tranh thủ ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

Những bài học mà Cương lĩnh năm 1991 rút ra từ kinh nghiệm của quá trình cách mạng Việt Nam, tiếp tục thể hiện một cách sinh động trong 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991 vừa qua, tức là trong điều kiện phát triển hòa bình của đất nước. Chẳng hạn, bài học về sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do

nhân dân và vì nhân dân thể hiện rất rõ. Thành tựu mà 20 năm phát triển kinh tế-xã hội vừa qua đạt được là do biết dựa vào nhân dân, do nhân dân thực hiện. Chính vì vậy, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) vẫn giữ năm bài học như Cương lĩnh năm 1991, tuy có *bổ sung một số nội dung* và điều chỉnh cách diễn đạt cho chính xác hơn:

- Bổ sung vào bài học thứ hai: “Quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, **của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng**”¹.

Đây không phải là bài học mới, nhưng là một nội dung quan trọng, rất thiết thực cho giai đoạn cách mạng diễn ra trong điều kiện hòa bình hiện nay ở nước ta.

- Chính xác hoá một số từ ngữ cho đúng với thực tế ở bài học thứ năm: “sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu **quyết định** thắng lợi của cách mạng Việt Nam” chứ không chỉ là “nhân tố hàng đầu **bảo đảm**” như Cương lĩnh năm 1991 viết.

Điều này khẳng định rõ hơn về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, chống lại một số biểu hiện không coi trọng đúng mức đến công tác Đảng, hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 65.

- Khắc phục cách diễn đạt trùng lặp ở các bài học thứ nhất, thứ ba, thứ tư. Chẳng hạn, bỏ ý nghĩa của từng bài học (vì cả năm bài học đều là năm bài học kinh nghiệm lớn xuyên suốt hơn 80 năm qua).

II- VỀ BỐI CẢNH THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC

1. Tình hình thế giới và những đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại

Cương lĩnh năm 1991 nhận định những biến đổi to lớn và sâu sắc của tình hình thế giới đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX:

- Về cuộc cách mạng khoa học và công nghệ:

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đang diễn ra mạnh mẽ, cuốn hút tất cả các nước ở mức độ khác nhau.

- Về quốc tế hóa, toàn cầu hóa:

Nền sản xuất vật chất và đời sống xã hội đang trong quá trình quốc tế hoá sâu sắc, ảnh hưởng lớn tới nhịp độ phát triển lịch sử và cuộc sống các dân tộc. Những xu thế đó vừa tạo thời cơ phát triển nhanh cho các nước, vừa đặt ra những thách thức gay gắt, nhất là đối với những nước lạc hậu về kinh tế.

- Về chủ nghĩa xã hội:

+ Trong quá trình hình thành và phát triển, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác đã đạt những

thành tựu to lớn về nhiều mặt, đã từng là chỗ dựa cho phong trào hoà bình và cách mạng thế giới, cho việc đẩy lùi nguy cơ chiến tranh hạt nhân, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

+ Nhưng, do duy trì quá lâu những khuyết tật của *mô hình cũ của chủ nghĩa xã hội*, chậm trễ trong cách mạng khoa học và công nghệ, nhiều nước xã hội chủ nghĩa đã lâm vào khủng hoảng trầm trọng. Ở một số nước, đảng cộng sản và công nhân không còn nắm vai trò lãnh đạo; chế độ xã hội đã thay đổi. Các thế lực đế quốc lợi dụng những sai lầm và khó khăn đó đẩy mạnh cuộc phản kích quyết liệt nhằm xoá bỏ các nước xã hội chủ nghĩa. Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản đang diễn ra gay gắt.

- Về chủ nghĩa tư bản:

+ Trước mắt, chủ nghĩa tư bản còn có tiềm năng phát triển kinh tế, nhờ ứng dụng những thành tựu mới của khoa học, công nghệ, cải tiến phương pháp quản lý, thay đổi cơ cấu sản xuất, điều chỉnh các hình thức sở hữu và chính sách xã hội.

+ Tuy vậy, chủ nghĩa tư bản vẫn là một chế độ áp bức, bóc lột và bất công. Mâu thuẫn cơ bản vốn có của chủ nghĩa tư bản giữa tính chất xã hội hoá ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa ngày càng sâu sắc. Mâu thuẫn giữa các tầng lớp nhân dân rộng rãi với giai cấp tư sản,

giữa các tập đoàn tư bản độc quyền, các công ty xuyên quốc gia, các trung tâm tư bản lớn tiếp tục phát triển. Mâu thuẫn giữa các nước tư bản chủ nghĩa phát triển và các nước đang phát triển ngày càng tăng lên. Chính sự vận động của tất cả những mâu thuẫn đó và cuộc đấu tranh của nhân dân lao động các nước sẽ quyết định số phận của chủ nghĩa tư bản.

- Về các nước đang phát triển:

Các nước độc lập dân tộc và các nước đang phát triển phải tiến hành cuộc đấu tranh rất khó khăn và phức tạp, chống nghèo nàn và lạc hậu, chống chủ nghĩa thực dân mới dưới mọi hình thức, chống sự can thiệp và xâm lược của chủ nghĩa đế quốc nhằm bảo vệ độc lập và chủ quyền dân tộc.

- Về các vấn đề toàn cầu:

Nhân dân các nước đang đứng trước những vấn đề toàn cầu cấp bách có liên quan đến vận mệnh loài người. Đó là giữ gìn hoà bình, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, bảo vệ môi trường sống, hạn chế sự bùng nổ về dân số, phòng ngừa và đẩy lùi những bệnh tật hiểm nghèo. Việc giải quyết những vấn đề đó đòi hỏi sự hợp tác và tinh thần trách nhiệm cao của tất cả các dân tộc.

- Về đặc điểm của giai đoạn hiện nay:

+ Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc gay go, phức tạp của nhân dân các nước vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

+ Chủ nghĩa xã hội hiện đứng trước nhiều khó khăn, thử thách.

- Về tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội:

Lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co. Song, loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội vì đó là quy luật tiến hoá của lịch sử.

Từ năm 1991 đến nay, thế giới có nhiều thay đổi sâu sắc. Đảng ta cũng đã có nhiều nhận định, đánh giá, dự báo về thế giới và khu vực. Những nhận thức mới quan trọng so với Cương lĩnh năm 1991 là:

- Về bước thoái trào *tạm thời* của chủ nghĩa xã hội và sự khủng hoảng nghiêm trọng của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế (Nghị quyết Trung ương 3 khoá VII).

- Những mâu thuẫn mới và khả năng tự điều chỉnh để thích nghi của chủ nghĩa tư bản.

- Về cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, xu thế toàn cầu hoá kinh tế và bước chuyển từ kinh tế công nghiệp sang *kinh tế tri thức* (rõ nét là từ Đại hội IX).

- Về xu thế trong quan hệ quốc tế:

+ Xu thế hoà bình, hợp tác và phát triển (nhấn mạnh từ Đại hội VIII).

+ Về vấn đề chiến tranh và hoà bình (từ Đại hội VIII), nhấn mạnh: trong một vài thập kỷ tới, ít có khả năng xảy ra chiến tranh thế giới; nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, ly khai, hoạt động

khủng bố, những tranh chấp về biên giới, lãnh thổ, biển đảo và các tài nguyên thiên nhiên tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp.

- Về trật tự thế giới và vai trò chi phối của các nước lớn (Nghị quyết Trung ương 3 khoá VII và Nghị quyết Trung ương 8 khoá IX).

- Về các vấn đề toàn cầu (Đại hội IX).

- Về các nước đang phát triển: Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á: vừa phát triển năng động, vừa tiềm ẩn những nhân tố mất ổn định (từ Đại hội VIII).

Trong gần ba năm qua, tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp; từ giữa năm 2008, kinh tế Mỹ lâm vào khủng hoảng tài chính nặng nề, lan rộng ra nhiều nước, cuộc khủng hoảng còn diễn biến phức tạp, khó lường. Sự hình thành các liên kết khu vực, ký kết các hiệp ước hợp tác kinh tế song phương, đa phương tăng lên, nhưng đồng thời cũng diễn ra xu hướng bảo hộ mậu dịch của nhiều nước. Quan hệ giữa các nước lớn vẫn vừa hợp tác, vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt; vừa thoả hiệp, vừa kiềm chế lẫn nhau... Yêu cầu tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, phát triển bền vững đặt ra với mọi quốc gia trên thế giới (Hội nghị Trung ương 9 khoá X).

Vì bối cảnh hiện nay và dự báo trong vài thập kỷ tới khác rất nhiều so với năm 1991 nên trong phần này, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) kế thừa

những nhận định, nghiên cứu của các kỳ Đại hội, có nhiều điểm bổ sung, phát triển so với Cương lĩnh năm 1991. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) viết gọn hơn; không đi sâu vào những vấn đề thế giới ít liên quan trực tiếp đến nước ta hiện nay, nhất là những vấn đề còn có ý kiến khác nhau như về nguyên nhân sự sụp đổ của chế độ xã hội ở Liên Xô và Đông Âu.

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục khẳng định những luận điểm của Cương lĩnh năm 1991, đồng thời có những điểm mới là:

- Về cuộc cách mạng khoa học và công nghệ và quá trình quốc tế hóa.

So với Cương lĩnh năm 1991, bổ sung “kinh tế tri thức”; thay “quốc tế hóa” bằng “toàn cầu hóa”.

- Về đặc điểm của giai đoạn hiện nay:

+ Đưa ra nhận định mới: Hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển là xu thế lớn.

+ Bổ sung nhiều hình thức biểu hiện khác như xung đột sắc tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ, biển, đảo, tài nguyên...

+ Nhận định mới về đặc điểm nổi bật của giai đoạn hiện nay: các nước với chế độ xã hội và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc (thay cho nhận định của Cương lĩnh năm 1991: cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc gay go, phức tạp của

nhân dân các nước vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội).

- Về các nước đang phát triển:

+ Bổ sung khẳng định về khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á (phát triển năng động, nhưng cũng tiềm ẩn những nhân tố mất ổn định).

+ Lòng thêm nhận định về các nước kém phát triển, các nước lệ thuộc...

- Về chủ nghĩa xã hội:

+ Tiếp tục khẳng định về vai trò của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa (không nhận định về nguyên nhân sụp đổ).

+ Bổ sung nhận định về thành tựu của các nước xã hội chủ nghĩa theo đường lối cải cách, đổi mới.

+ Bổ sung nhận định về bước phục hồi của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

- Về chủ nghĩa tư bản:

+ Tiếp tục khẳng định về bản chất của chủ nghĩa tư bản; khẳng định chủ nghĩa tư bản còn tiềm năng phát triển.

+ Nhấn mạnh bổ sung nhận định về khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội vẫn tiếp tục xảy ra để thấy rõ về bản chất của các cuộc khủng hoảng, suy thoái gần đây trên thế giới và khu vực.

- Về các vấn đề toàn cầu: bổ sung các vấn đề mới như khủng bố, biến đổi khí hậu toàn cầu.

- Tiếp tục khẳng định về tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội.

2. Về đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Về đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Cương lĩnh năm 1991 xác định:

- Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

- Từ một xã hội vốn là thuộc địa nửa phong kiến, đi lên chủ nghĩa xã hội, lực lượng sản xuất rất thấp.

- Đất nước trải qua chiến tranh ác liệt kéo dài nhiều chục năm, hậu quả xã hội do chiến tranh để lại rất nặng nề.

- Các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách phá hoại.

Đó là *những khó khăn khách quan* trên con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, cho thấy thời kỳ quá độ ở Việt Nam là một thời kỳ lịch sử lâu dài, phải giải quyết hàng loạt nhiệm vụ mới mẻ, phức tạp, chưa có tiền lệ.

Bên cạnh đó, Việt Nam quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa cũng có nhiều thuận lợi:

- Đất nước hoà bình và thống nhất.

- Dân tộc Việt Nam có truyền thống anh hùng, bất khuất, nhân dân có lòng yêu nước và cần cù lao động.

- Chúng ta đã có một số cơ sở vật chất ban đầu.

- Thời cơ phát triển do cách mạng khoa học - công nghệ và xu thế quốc tế hoá đời sống kinh tế thế giới tạo ra.

Qua các kỳ Đại hội, Đảng ta nhận thức rõ hơn và đầy đủ hơn những khó khăn của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam. Những nhận thức bổ sung, phát triển chủ yếu là:

- Đó không chỉ là khó khăn mà còn là những mâu thuẫn cần phải giải quyết. Đó cũng chính là những thách thức và nguy cơ cần phải vượt qua trong đổi mới và hội nhập để phát triển.

- Thời kỳ quá độ diễn ra trong đổi mới, mở cửa, hội nhập với xu thế toàn cầu hoá, sự phát triển của công nghệ thông tin và kinh tế tri thức, nên thuận lợi cũng là thời cơ.

- Thời cơ phải đón kịp, thuận lợi phải khai thác, phát huy; khó khăn, mâu thuẫn phải được xử lý, thách thức và nguy cơ phải vượt qua. Những nhân tố này đan xen vào nhau rất phức tạp, đồng thời chi phối lẫn nhau, tùy thuộc cả vào hoàn cảnh lẫn năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành.

- Thời kỳ quá độ ở Việt Nam là rất dài, do bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.

Ý thức rõ những đặc điểm, đặc thù của thời kỳ quá độ ở Việt Nam trong tư duy lý luận của Đảng từ sau khi thông qua Cương lĩnh năm 1991. Đảng ta trong các văn kiện, nghị quyết tiếp theo, đã nhấn mạnh:

+ “Định hướng xã hội chủ nghĩa” (để nói rõ chủ nghĩa xã hội là lý tưởng, mục tiêu vươn tới, là đường hướng, khuynh hướng của phát triển).

+ Phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

+ Kết hợp nội lực với ngoại lực: mở rộng hợp tác song phương và đa phương, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển.

Trong bối cảnh, tình hình hiện nay, hội nhập quốc tế không chỉ là hội nhập về kinh tế mà còn mở rộng sang nhiều lĩnh vực khác. Do đó, khó khăn, phức tạp trong hội nhập ngày càng nhiều, đòi hỏi năng lực sáng tạo của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta phải ngày càng lớn.

- Vấn đề “bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa”, Đại hội IX đã có nhận thức mới, dựa trên thực tiễn phát triển kinh tế thị trường ở trong nước và thực tiễn phát triển của thế giới ngày nay:

+ Chỉ có thể bỏ qua chế độ áp bức, bóc lột tư bản chủ nghĩa, các thiết chế, thể chế chính trị và nhà nước tư bản không phù hợp với bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đã và đang xây dựng, chứ không thể bỏ qua những thành tựu mà nền văn minh nhân loại đã đạt được trong thời chủ nghĩa tư bản: kinh tế thị trường, nền dân chủ, nhà nước pháp quyền, khoa học - công nghệ, trình độ quản lý... Tuy nhiên, việc kế thừa những thành tựu này phải trên quan điểm có chọn lọc, có tinh thần phê phán.

+ Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta hiện nay phải gắn với phát triển kinh tế tri thức (Đại hội IX, X).

+ Muốn phát triển thì phải đổi mới, phải mở cửa, chủ động và tích cực hội nhập (Đại hội IX, X).

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) chỉ rõ hai nội dung mới quan trọng:

- Nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài.

Quá trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa là một quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen (Cương lĩnh năm 1991 chỉ nêu yêu cầu về sự cần thiết phải có *bước đi, hình thức, biện pháp* thích hợp).

- Chỉ rõ những thuận lợi cơ bản:

+ Có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, có bản lĩnh chính trị vững vàng và dày dặn kinh nghiệm lãnh đạo (bổ sung so với Cương lĩnh năm 1991).

+ Dân tộc ta là một dân tộc anh hùng, có ý chí vươn lên mãnh liệt; nhân dân ta có lòng yêu nước nồng nàn, có truyền thống đoàn kết và nhân ái, cần cù lao động và sáng tạo, luôn luôn ủng hộ và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng (kế thừa, trình bày rõ hơn Cương lĩnh năm 1991).

+ Chúng ta đã từng bước xây dựng được những cơ sở vật chất - kỹ thuật rất quan trọng (kế thừa Cương lĩnh năm 1991).

+ Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, sự hình thành và phát triển kinh tế tri thức cùng với quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế là một thời cơ để phát triển.

Nội dung mới ở đây là về *kinh tế tri thức và toàn cầu hóa*.

III- VỀ ĐẶC TRƯNG CỦA XÃ HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA MÀ NHÂN DÂN TA XÂY DỰNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

1. Về những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng

Sau khi Liên Xô sụp đổ, mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu trước đây đã không còn thích hợp. Trước tình hình đó, nhiều người dao động, mất niềm tin vào con đường xã hội chủ nghĩa. Cương lĩnh năm 1991 đã đưa ra mô hình chủ nghĩa xã hội mới mà nhân dân ta xây dựng với sáu đặc trưng cơ bản:

- Do nhân dân lao động làm chủ.
- Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.

- Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.

- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

Về đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa, những nhận thức mới của Đảng được thể hiện từng bước trong các văn kiện Đại hội VIII, Đại hội IX và trong các Nghị quyết Trung ương, đặc biệt rõ nhất trong văn kiện Đại hội X. Đại hội X đưa ra tám đặc trưng:

Một là, xã hội xã hội chủ nghĩa là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh.

Hai là, do nhân dân làm chủ.

Ba là, có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển lực lượng sản xuất.

Bốn là, có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Năm là, con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện.

Sáu là, các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Bây là, có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Tám là, có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

Như vậy, Đại hội X bổ sung hai đặc trưng (đặc trưng tổng quát và đặc trưng về nhà nước) và phát triển ở một số đặc trưng khác.

Thực tiễn 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991 đã chứng tỏ tính đúng đắn của mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng do Cương lĩnh năm 1991 đưa ra. Tuy nhiên, về mặt nhận thức cũng như thực tiễn cho thấy mô hình đó có một số hạn chế và đã được bổ sung, phát triển bởi Đại hội X. Vì vậy, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục khẳng định mô hình đó, tuy nhiên, có một số điểm bổ sung, phát triển theo tinh thần Đại hội X.

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) bổ sung hai đặc trưng: Đặc trưng bao trùm, tổng quát: “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”¹ và đặc trưng “có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo”².

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr. 70.

Việc bổ sung này chỉ làm rõ hơn quan niệm về chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng chứ không trái với quan niệm về chủ nghĩa xã hội nêu trong Cương lĩnh năm 1991. Hai đặc trưng này Đại hội X đã bổ sung. Điểm mới so với Đại hội X là chuyển từ “*dân chủ*” lên trước từ “*công bằng*” trong đặc trưng tổng quát.

Trong quá trình xây dựng dự thảo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) còn có ý kiến khác nhau xung quanh vấn đề này. Tuy nhiên, đa số ý kiến đều cho rằng, cả lý luận và thực tiễn đều cho thấy, dân chủ là điều kiện, tiền đề của công bằng, văn minh. Nếu không có dân chủ, con người không được làm chủ vận mệnh của mình thì công bằng hay văn minh, nếu có, chỉ có thể trên một phương diện nhất định. Đồng thời, việc đưa “*dân chủ*” lên trước “*công bằng*” còn có ý nghĩa nhấn mạnh bản chất của xã hội xã hội chủ nghĩa là xã hội dân chủ; dân chủ thực sự chứ không phải dân chủ hình thức. Khi xây dựng, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, trước hết phải quan tâm đến dân chủ, phát huy sức mạnh của nhân dân.

Việc đưa “*dân chủ*” lên trước “*công bằng*” còn có ý nghĩa chỉ đạo thực tiễn. Trong xây dựng đường lối, chính sách, thực hiện tiến bộ và công bằng thì trước hết phải chú ý phát huy dân chủ, thực hành dân chủ.

Về đặc trưng “*có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo*”, có người cho rằng, chúng ta

học tập máy móc nhà nước tư sản, đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Cần khẳng định rằng. “Nhà nước pháp quyền” mà chúng ta nêu ra ở đây khác về bản chất với Nhà nước pháp quyền ở các nước tư bản chủ nghĩa. Trước hết là sự khác biệt về bản chất, nội dung của pháp luật. Mặt khác, ngay về hình thức, phương thức hoạt động ở đây cũng có thể có sự khác biệt. Nhà nước pháp quyền tư sản dựa trên nguyên tắc “tam quyền phân lập”, còn “Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa” không phải “tam quyền phân lập” mà là có sự “phân công”, “phối hợp” trong thực hiện ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp... Lý luận và thực tiễn cho thấy, “Nhà nước pháp quyền”, cũng như “kinh tế thị trường”, là sản phẩm của loài người, có nhiều ưu điểm, chứ không phải sản phẩm *riêng có* của chủ nghĩa tư bản; chúng ta cần phải vận dụng và phát huy.

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) cũng bổ sung, phát triển nội dung trong một số đặc trưng về chủ nghĩa xã hội như:

- Kế thừa sự bổ sung, phát triển của Đại hội X về đặc trưng “do nhân dân làm chủ”, tức là thay cụm từ “do nhân dân lao động làm chủ”.

Có ý kiến cho rằng, cách diễn đạt này là Đảng Cộng sản Việt Nam từ bỏ bản chất của mình, không còn là Đảng của những người lao động nữa mà là “Đảng toàn dân”... Đây là sự suy diễn không đúng. Cách diễn đạt

này không mâu thuẫn so với Cương lĩnh năm 1991 vì đến khi kết thúc thời kỳ quá độ thì mọi người dân đều là người lao động cả, không còn phải phân biệt người lao động với người không phải lao động nữa. Trong khi đó, cách diễn đạt mới lại tránh được suy diễn, hiểu lầm hoặc lợi dụng theo hướng khác, cho rằng, có sự so sánh giữa người lao động trực tiếp với các nhà doanh nhân, các nhà đầu tư, trí thức...

Mặt khác, cũng phải khẳng định rằng, đây cũng là một bước tiến theo tinh thần đổi mới của Đảng, phù hợp với điều kiện hiện nay. Đảng khẳng định hoạt động vì lợi ích chung của tất cả mọi tầng lớp nhân dân, của toàn dân tộc, không “cục bộ”, “bản vị”.

- Điều chỉnh đặc trưng về con người.

Cương lĩnh năm 1991 xác định: “Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân”¹. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định: “Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện”², bỏ cụm từ “Con người

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khoá VI, VII, VIII, IX, X)*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, phần I, tr. 411.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr. 70.

được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động”.

Đại hội X bỏ từ “bóc lột”, nhưng giữ cụm từ “Con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công”.

Có ý kiến cho rằng, như thế Đảng Cộng sản Việt Nam từ bỏ mục tiêu giải phóng con người khỏi áp bức, bóc lột, bất công. Thực ra không phải như vậy mà đây chỉ là cách diễn đạt ngắn gọn hơn, vì:

+ Con người “có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện” đã bao hàm nội dung “được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công”.

+ Từ “bóc lột” hiện nay cách hiểu không thống nhất, dễ bị hiểu lầm, xuyên tạc, lợi dụng. Nhiều người căn cứ vào đó quy chụp các doanh nhân là những người “bóc lột”; đồng thời, quy đường lối lâu dài của Đảng Cộng sản là “xóa bỏ bóc lột”, tức là quay về việc “chiếm đoạt lại” của cải từ tay những người giàu như cách làm trước đây, xóa bỏ tự do kinh doanh, làm ăn...

- Trình bày rõ hơn đặc trưng về dân tộc.

Cương lĩnh năm 1991 xác định: “Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ”¹. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã xác định: “Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khoá VI, VII, VIII, IX, X)*, Sđd. phần I, tr. 411.

bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển”¹. Đây chỉ là cách diễn đạt lại cho chuẩn xác, phù hợp hơn.

- Trình bày rõ hơn đặc trưng về quan hệ quốc tế.

Cương lĩnh năm 1991 ghi: “Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới”². Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) viết: “Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới”³ (bỏ từ “nhân dân”).

Trong các đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng có một đặc trưng trong quá trình thảo luận xây dựng Cương lĩnh có những ý kiến khác. Cương lĩnh năm 1991 xác định: “có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu”⁴. Đại hội X xác định: “Có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất”⁵. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định: “Có nền kinh tế phát triển cao

1. 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd.*, tr. 70.

2. 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Sđd.* phần I, tr. 411.

5. *Sđd.* phần II, tr. 306.

dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp”¹.

Sau Đại hội XI, nhiều người lo ngại cho rằng, như thế là Đảng bỏ đi một trong những đặc trưng quan trọng nhất, riêng có của chủ nghĩa xã hội trong Cương lĩnh. Tuy nhiên, nhiều người khác lại cho rằng, đây là một bước tiến theo chiều hướng đổi mới của Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) vì nó cho phép khắc phục tâm lý lo ngại của các nhà đầu tư (đặc biệt là các nhà đầu tư lâu dài) về khả năng “quốc hữu hóa” (“vỡ bèo để thịt”) sau này, ảnh hưởng đến tâm lý làm giàu của người dân...; đồng thời cũng hạn chế được việc coi nhẹ vai trò của các thành phần kinh tế dựa trên chế độ sở hữu tư nhân (vì hiểu “công hữu” theo cách hiểu của mô hình chủ nghĩa xã hội Liên Xô).

Việc xác định đặc trưng kinh tế như Đại hội X và Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), về bản chất, là không mâu thuẫn với Cương lĩnh năm 1991 vì khi chúng ta xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, với một nền kinh tế phát triển cao, quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất lúc đó, phải là quan hệ sản xuất tiến bộ dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu (theo quy luật về sự phù hợp giữa lực lượng sản xuất và quan hệ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr. 70.

sản xuất), phù hợp với bản chất xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng (tất nhiên, các phạm trù “công hữu” cũng như “tư liệu sản xuất chủ yếu” ở đây phải hiểu theo nội dung mới).

Như vậy, cả hai cách diễn đạt đều vẫn khẳng định xã hội mà nhân dân ta xây dựng vẫn là xã hội xã hội chủ nghĩa. Trong định hướng phát triển kinh tế, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) vẫn khẳng định: “Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân”¹. Đồng thời, cả hai cách diễn đạt đều có những nội dung chưa rõ. Chẳng hạn, với phương án của Cương lĩnh năm 1991 thì vấn đề nội hàm của “công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu” vẫn chưa rõ vì chắc chắn “công hữu” ở đây phải hiểu khác so với mô hình chủ nghĩa xã hội trước đây. Ngay theo phương án đã được khẳng định là “quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp” thì cụ thể thế nào là “tiến bộ”, “phù hợp”. Dù diễn đạt theo cách nào thì sau Đại hội XI vẫn cần được nghiên cứu, làm rõ vấn đề này để có thể chỉ đạo trong các định hướng cụ thể hơn.

So với Cương lĩnh năm 1991, cách diễn đạt của Đại hội X và Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) có ưu điểm:

1. *Sđd*, tr. 73-74.

- Phù hợp với chính sách phát triển các thành phần kinh tế của Đảng ta trong giai đoạn hiện nay, tránh được cách hiểu coi nhẹ đối với khu vực kinh tế dựa trên chế độ sở hữu tư nhân¹.

- Đề cập đến *quan hệ sản xuất* nói chung (hàm nghĩa cả quan hệ quản lý, phân phối, trao đổi...) trong khi Cương lĩnh năm 1991 chỉ đề cập đến chế độ sở hữu (“công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu”).

Bên cạnh ưu điểm, cách thể hiện của Đại hội X và Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) cũng còn hạn chế, chẳng hạn như có phần trừu tượng, không rõ đến khi kết thúc thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, quan hệ sản xuất phù hợp lúc đó là như thế nào².

So với Đại hội X, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) có ưu điểm:

- Nội hàm của phạm trù “phù hợp” rộng hơn vì “phù hợp” ở đây hàm nghĩa không chỉ với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, mà cả giữa các yếu tố của quan hệ sản xuất với nhau và với các mặt khác của xã hội, của chế độ.

- Cụ thể hơn vì bổ sung tính chất “tiến bộ” cho quan hệ sản xuất. Khi lực lượng sản xuất phát triển cao (“hiện đại” theo nghĩa lúc đó) thì quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trở thành quan hệ sản xuất “phản tiến bộ”, lạc hậu; quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp chính là quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

1, 2. Xem: *Sdd*, tr. 277.

2. Về các mục tiêu trên con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- Về mục tiêu tổng quát:

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) viết: *“Mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta là xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hoá phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc”*¹.

So với Cương lĩnh năm 1991, có điều chỉnh một số từ ngữ: thay từ “xong” bằng từ “được”, dùng cụm từ “nền tảng kinh tế” thay cho “những cơ sở kinh tế”, bổ sung cụm từ “ngày càng phồn vinh, hạnh phúc”, thay cho từ “phồn vinh”.

- Về mục tiêu của chặng đường sắp tới:

Cương lĩnh năm 1991 nêu mục tiêu của **chặng đường đầu** (của thời kỳ quá độ) là “thông qua đổi mới toàn diện, xã hội đạt tới trạng thái ổn định vững chắc, tạo thế phát triển nhanh ở chặng sau”.

Từ Đại hội VIII đến Đại hội X, Đảng ta đều khẳng định: chúng ta đã hoàn thành mục tiêu của chặng đường đầu và đang thực hiện mục tiêu của chặng đường tiếp theo là đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá,

1. *Sđd*, tr. 71.

phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Vì vậy, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) phát triển Cương lĩnh năm 1991, nêu mục tiêu **đến giữa thế kỷ XXI**: nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

3. Về những phương hướng cơ bản quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Cương lĩnh năm 1991 nêu ra bảy phương hướng cơ bản:

- Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân.

- Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hoá đất nước theo hướng hiện đại là nhiệm vụ trung tâm.

- Thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu. Phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

- Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá.

- Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, chính sách đối ngoại hoà bình, hợp tác và hữu nghị với tất cả các nước.

- Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam.

- Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Trên cơ sở tổng kết lý luận - thực tiễn 20 năm đổi mới. Đại hội X đã nêu thành tám phương hướng sau đây:

- Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;

- Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước;

- Xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc làm nền tảng tinh thần của xã hội;

- Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc;

- Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân;

- Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh;

- Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia;

- Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

Như vậy, Đại hội X đã tách một phương hướng trong Cương lĩnh năm 1991 ra thành hai phương hướng (phương hướng về đoàn kết và về đối ngoại).

Cách viết như Cương lĩnh năm 1991 đề cập đến cả định hướng phát triển, nên có nhiều nội dung trùng với nội dung đề cập ở những định hướng lớn của Cương lĩnh. Đại hội X đã viết gọn lại.

Kế thừa cách viết như Đại hội X, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã xác định *tám phương hướng cơ bản*. So với Đại hội X, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) có bổ sung, chính xác hóa ở một số phương hướng.

So với Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) có những điểm mới:

- Thay thế phương hướng phát triển “nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước”¹ bằng phát triển “nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”².

Tuy hai cách diễn đạt này nhìn chung nhất trí với nhau, nhưng cũng có sự khác nhau thể hiện bước tiến trong quan điểm lý luận của Đảng về kinh tế thị trường, không còn e dè trong việc khẳng định xây dựng “nền kinh tế thị trường” như thời kỳ đầu mới thực hiện đường lối đổi mới.

- Gắn nội dung phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên và môi trường vào phương hướng công nghiệp hóa.

Đây là nét mới trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa những năm gần đây, phù hợp với sự phát triển của kinh tế thế giới, yêu cầu phát triển bền vững.

- Bổ sung chủ trương “thực hiện đường lối đối ngoại

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khoá VI, VII, VIII, IX, X)*, Sđd, phần I, tr. 412.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr. 73.

độc lập, tự chủ”¹ và “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”² vào phương hướng đối ngoại.

Đây là những nội dung mới mà Đảng đã tổng kết và rút ra trong quá trình thực hiện đường lối đối ngoại. Nếu Đại hội X mới chủ trương “chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế”³ thì Đại hội XI đã khẳng định chủ trương “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế”, tức là không chỉ giới hạn trong lĩnh vực kinh tế.

- Bổ sung nội dung “xây dựng Nhà nước pháp quyền”⁴ vào phương hướng xây dựng Nhà nước.

Đây là nội dung mới của Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) so với Cương lĩnh năm 1991, phù hợp với đặc trưng bổ sung về xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng như đã nêu trên.

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới suốt 1/4 thế kỷ qua, Đảng ta đã phải xử lý rất nhiều vấn đề, nhiều mối quan hệ như quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, quan hệ giữa ổn định và phát triển, quan hệ giữa xây dựng, bảo vệ đất nước theo hướng dân giàu, nước mạnh với yêu cầu phải giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa... Việc xử lý các mối

1, 2, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr. 72.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khoá VI, VII, VIII, IX, X)*, Sđd, phần II, tr. 310.

quan hệ này rất hệ trọng, quyết định việc chúng ta có đạt được những mục tiêu đặt ra trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội hay không. Chính vì vậy, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã bổ sung nội dung về việc nắm vững và giải quyết tốt *các mối quan hệ lớn*.

Các mối quan hệ này không chỉ là những vấn đề lý luận mà còn là những vấn đề thực tiễn sâu sắc.

Các mối quan hệ đó là:

- Quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển;
- Quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị;
- Quan hệ giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa;
- Quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa;
- Quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội;
- Quan hệ giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa;
- Quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế;
- Quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

Trong quá trình đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn chính là nhờ biết xử lý các mối quan hệ lớn, tuy nhiên, đây cũng là những khó khăn, thách thức hiện nay và trong tương lai. Chính vì vậy, việc Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) nêu ra các mối quan hệ lớn có ý nghĩa chỉ đạo thực tiễn quan trọng.

Phần thứ hai

VỀ NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG LỚN TRÊN CÁC LĨNH VỰC KINH TẾ - XÃ HỘI

I- NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG¹ LỚN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1. Về xây dựng và phát triển lực lượng sản xuất

Về định hướng xây dựng và phát triển lực lượng sản xuất, Cương lĩnh năm 1991 nêu rõ:

- Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hoá đất nước theo hướng hiện đại gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm nhằm từng bước xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội và cải thiện đời sống nhân dân.

1. Cần lưu ý là, Cương lĩnh năm 1991 chưa phân định rõ ràng “định hướng” với các phần khác nên nhiều định hướng được nêu cả ở các phần trước, vì vậy, trong sách này, khi nói đến “định hướng” thì không nhất thiết là nội dung trình bày ở phần về định hướng.

- Khi kết thúc thời kỳ quá độ, hình thành về cơ bản nền kinh tế công nghiệp với *cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp - dịch vụ* gắn với phân công và hợp tác kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.

- Phát triển nông - lâm - ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế - xã hội.

- Xây dựng nền công nghiệp nặng với bước đi thích hợp, trước hết là các ngành trực tiếp phục vụ nông nghiệp.

- Thực hiện chuyên môn hoá và liên kết kinh tế giữa các vùng, các địa phương. Xây dựng các trung tâm kinh tế của từng vùng, để tạo điều kiện liên kết công nghiệp với nông nghiệp, thành thị với nông thôn, phát triển giao lưu hàng hoá.

- *Khoa học và công nghệ* giữ vai trò then chốt trong sự phát triển lực lượng sản xuất và nâng cao trình độ quản lý, bảo đảm chất lượng và tốc độ phát triển của nền kinh tế.

- *Giáo dục và đào tạo* gắn liền với sự nghiệp phát triển kinh tế, phát triển khoa học, kỹ thuật, xây dựng nền văn hoá mới và con người mới.

Qua các nhiệm kỳ Đại hội, Đảng ta đã có nhiều nhận thức mới về phát triển lực lượng sản xuất nói chung, về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nói riêng.

- Về phát triển lực lượng sản xuất:

Đại hội IX chỉ ra mục đích của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phát triển lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Tiêu chuẩn căn bản để đánh giá hiệu quả xây dựng quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa là thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, thực hiện công bằng xã hội.

- Về công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước:

+ Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước là chủ đạo. Đặc biệt coi trọng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn. Ra sức phấn đấu đưa nước ta đến năm 2020 cơ bản trở thành một nước công nghiệp (Đại hội VIII, IX); đến năm 2020 cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại (Đại hội X).

+ Con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá của nước ta, vừa có những bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước phải bảo đảm xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ. Thực hiện công nghiệp hoá theo mô hình kinh tế mở. Gắn công nghiệp hoá, hiện đại hoá với phát triển kinh tế tri thức, hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển của nền kinh tế thị trường, tranh thủ cơ hội thuận lợi do bối cảnh quốc tế tạo ra và phát huy tiềm năng, lợi thế của nước ta để

rút ngắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước (Đại hội IX, Đại hội X).

+ Xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả (Đại hội VIII). Phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá (Đại hội IX). Xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại và hợp lý theo ngành, lĩnh vực và lãnh thổ; chuyển dịch mạnh cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn; phát triển nhanh hơn công nghiệp, xây dựng, tạo bước phát triển vượt bậc của các ngành dịch vụ; phát triển kinh tế vùng; phát triển kinh tế biển; chuyển dịch cơ cấu lao động (Đại hội X).

Trong thực tiễn gần 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, đất nước ta đã đạt được những thành tựu chủ yếu¹:

- Đường lối về phát triển lực lượng sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã từng bước được thể chế hoá trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các chính sách phát triển kinh tế, xã hội.

1. Trong tài liệu này, phân đánh giá thành tựu và hạn chế trong thực tiễn, chúng tôi chủ yếu dựa vào các nhận định trong Báo cáo tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991-2011) của Tiểu ban tổng kết, bổ sung và phát triển Cương lĩnh năm 1991.

- Cơ cấu kinh tế ngành đã chuyển dịch tương đối rõ nét theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Cơ cấu lao động bước đầu có sự chuyển đổi tích cực gắn liền với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Một số ngành công nghệ mới, công nghệ cao được xây dựng (hoá chất, đóng tàu, điện tử). Khu vực dịch vụ có tốc độ tăng trưởng mấy năm gần đây ổn định, cao hơn mức tăng GDP của nền kinh tế, sản phẩm dịch vụ đa dạng, phong phú hơn. Nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả; bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia; một số mặt hàng xuất khẩu chiếm vị thế cao trên thị trường thế giới. Kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng tăng công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường; bộ mặt nhiều vùng nông thôn thay đổi...

- Năng lực sản xuất kinh doanh tăng đáng kể. Tiềm lực và cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế được tăng cường.

Tuy nhiên, bên cạnh thành tựu đạt được nêu trên, thực tiễn cũng chỉ rõ những hạn chế, yếu kém chủ yếu trong phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta như:

- Chậm xác định được các ngành có lợi thế so sánh, phát triển còn dàn trải.

- Chất lượng tăng trưởng thấp, chưa bền vững.

- Cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động chuyển dịch chậm; tỷ trọng các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ mấy năm gần đây ít thay đổi; tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội còn cao. Chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành chưa được quan tâm đúng mức.

- Nhiều tư liệu sản xuất phục vụ sản xuất công, nông nghiệp vẫn chủ yếu phải nhập khẩu. Tỷ trọng chế biến thô nông, lâm, thủy sản còn lớn. Các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu giá trị gia tăng thấp. Trong cơ cấu hàng hoá xuất khẩu, hàng gia công, sản phẩm nông, lâm, thủy sản chế biến thô và tài nguyên, khoáng sản vẫn chiếm tỷ trọng lớn. Đổi mới công nghệ trong các ngành kinh tế còn chậm; công nghệ lạc hậu còn chiếm tỷ trọng lớn trong khu vực công nghiệp.

- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn còn nhiều hạn chế. Nông nghiệp phát triển kém bền vững; chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong sản xuất nông nghiệp còn chậm.

- Liên kết phát triển kinh tế vùng còn yếu. Các vùng kinh tế trọng điểm chưa phát huy được thế mạnh để di nhanh vào các ngành công nghiệp, dịch vụ công nghệ cao làm đầu tàu lôi kéo, hỗ trợ các vùng kinh tế khác.

Kế thừa Cương lĩnh năm 1991 và sự phát triển, bổ sung qua các kỳ Đại hội, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định:

- Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm; thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức và bảo vệ tài nguyên, môi trường.

- Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, có hiệu quả và bền vững, gắn kết chặt chẽ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ.

- Coi trọng phát triển các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo có tính nền tảng và các ngành công nghiệp có lợi thế.

- Phát triển nông, lâm, ngư nghiệp ngày càng đạt trình độ công nghệ cao, chất lượng cao gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới.

- Bảo đảm phát triển hài hoà giữa các vùng, miền; thúc đẩy phát triển nhanh các vùng kinh tế trọng điểm, đồng thời tạo điều kiện phát triển các vùng có nhiều khó khăn.

- Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

So với Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) có một số điểm mới như:

- Coi phát triển kinh tế là trọng tâm, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức (trong Cương lĩnh năm 1991 chưa có các khái niệm “hiện đại hóa”, “kinh tế tri thức”).

- Xây dựng cơ cấu kinh tế: “có hiệu quả và bền vững” (trong Cương lĩnh năm 1991 mới có khái niệm “cơ cấu kinh tế hiện đại”).

- Công nghiệp: Coi trọng phát triển các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo “có tính nền tảng” và các ngành công nghiệp “có lợi thế”.

- Kinh tế vùng: Bảo đảm “phát triển hài hòa” giữa các vùng, miền; thúc đẩy phát triển nhanh các “vùng kinh tế trọng điểm”, đồng thời tạo điều kiện phát triển “các vùng có nhiều khó khăn” (Cương lĩnh năm 1991 chỉ nêu: Thực hiện chuyên môn hóa và liên kết kinh tế giữa các vùng, các địa phương. Xây dựng các trung tâm kinh tế của từng vùng).

2. Về sở hữu, các thành phần kinh tế, quan hệ phân phối

Nội dung của Cương lĩnh năm 1991 về quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, về chế độ sở hữu và thành phần kinh tế có giá trị to lớn, có ý nghĩa định hướng và chỉ đạo sự nghiệp đổi mới gần 20 năm qua. Nhìn chung, tư duy và đường lối đổi mới của Đảng đã từng bước được thể chế hoá, được các ngành, các cấp tích cực chỉ đạo thực hiện, được nhân dân đồng tình, hưởng ứng, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường đồng thuận xã hội.

Về sở hữu, các thành phần kinh tế, quan hệ phân phối.... Cương lĩnh năm 1991 trình bày ở cả ba phần khi bàn về đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, về phương hướng và phân định hướng phát triển kinh tế, xã hội.

- Về sở hữu:

+ Cương lĩnh năm 1991 đã khẳng định về một trong những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là: “Có một nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu”¹.

+ Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng. Các tổ chức kinh tế tự chủ và liên kết, hợp tác và cạnh tranh trong sản xuất và kinh doanh.

- Về thành phần kinh tế:

+ Phát triển một nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Các thành phần kinh tế gồm: kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân; kinh tế tư bản nhà nước.

+ Vị trí, vai trò của các thành phần kinh tế: Kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và mở rộng; kinh tế cá thể còn có phạm vi tương đối lớn, từng bước đi vào con đường làm ăn hợp tác trên nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, cùng có lợi; kinh tế tư bản tư nhân được kinh doanh trong những ngành có lợi cho quốc kế dân sinh do luật pháp

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khoá VI, VII, VIII, IX, X)*, Sdd, phần I, tr. 411.

quy định; phát triển kinh tế tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức; kinh tế gia đình được khuyến khích phát triển mạnh, nhưng *không phải là một thành phần kinh tế độc lập*.

+ Kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân (trong phần phương hướng).

- Về chế độ phân phối:

+ Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu.

+ Khuyến khích tăng thu nhập và làm giàu dựa vào kết quả lao động. Có chính sách bảo trợ và điều tiết hợp lý thu nhập giữa các bộ phận dân cư, các ngành và các vùng. Cải cách căn bản chế độ tiền lương trong khu vực nhà nước theo nguyên tắc phân phối theo lao động.

Vấn đề sở hữu, thành phần kinh tế, chế độ phân phối là những vấn đề vừa mang ý nghĩa lý luận quan trọng, vừa có giá trị thiết thực trong quá trình đổi mới ở nước ta, vì vậy, bất kỳ nhiệm kỳ Đại hội Đảng nào cũng có bổ sung, phát triển. Qua các nhiệm kỳ Đại hội Đảng, từ khi ban hành Cương lĩnh năm 1991 đến nay, có thể nêu những nhận thức mới chủ yếu sau:

- Lấy việc giải phóng sức sản xuất, động viên tối đa mọi nguồn lực bên trong và bên ngoài cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nâng cao hiệu quả kinh tế và xã hội, cải thiện đời sống của nhân dân làm mục tiêu hàng đầu trong việc khuyến khích phát triển các

thành phần kinh tế và hình thức tổ chức kinh doanh (Đại hội VIII).

- Tiêu chuẩn căn bản để đánh giá hiệu quả xây dựng quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa là thúc đẩy phát triển lực lượng sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, thực hiện công bằng xã hội (Đại hội IX).

- Một trong những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là: “Có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất” (Đại hội X).

Theo các quan điểm như trên, vấn đề giải phóng sức sản xuất, phát huy mọi nguồn lực để công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cải thiện đời sống và tăng thêm đồng thuận xã hội, đại đoàn kết toàn dân tộc là mục tiêu ưu tiên hàng đầu và là tiêu chí quan trọng nhất đánh giá việc hoàn thiện quan hệ sản xuất, phát triển các thành phần kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Từ sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân hình thành nhiều hình thức sở hữu và nhiều thành phần kinh tế. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân (Đại hội IX, Đại hội X).

- Đại hội VIII phân định các thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước; kinh tế hợp tác; kinh tế tư bản nhà nước; kinh tế cá thể, tiểu chủ; kinh tế tư bản tư nhân. Đại hội IX phân định các thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước; kinh tế tập thể, kinh tế cá thể và tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Đại hội X phân định các thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước; kinh tế tập thể; kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân); kinh tế tư bản nhà nước; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

- Đại hội IX và Đại hội X đã có những đổi mới khá cơ bản về chính sách đối với các thành phần kinh tế; trong đó điều quan trọng nhất là đã khẳng định các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh.

Xoá bỏ mọi sự phân biệt đối xử theo hình thức sở hữu. Nhà nước chỉ thực hiện sự ưu đãi hoặc hỗ trợ phát triển đối với một số ngành, lĩnh vực, sản phẩm; một số mục tiêu như xuất khẩu, tạo việc làm, xoá đói, giảm nghèo, khắc phục rủi ro; một số địa bàn, các doanh nghiệp nhỏ và vừa (Đại hội X).

Khẳng định sự tồn tại khách quan, lâu dài và khuyến khích sự phát triển đa dạng các hình thức sở hữu, các loại hình doanh nghiệp, bảo đảm các quyền và

lợi ích hợp pháp của các chủ sở hữu khác nhau trong nền kinh tế (Hội nghị Trung ương 6 khoá X).

- Tiếp tục đổi mới và phát triển có hiệu quả kinh tế nhà nước để làm tốt vai trò chủ đạo (Đại hội VIII). Doanh nghiệp nhà nước giữ những vị trí then chốt (Đại hội IX). Kinh tế nhà nước có vai trò quyết định trong việc giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, ổn định và phát triển kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước (Hội nghị Trung ương 3 khoá IX). Từ nhiệm kỳ khoá VII đã chủ trương từng bước tiến hành cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước; được coi là một giải pháp trọng tâm để đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

- Kinh tế hợp tác mà nòng cốt là các hợp tác xã là hình thức liên kết tự nguyện của những người lao động; phát triển kinh tế hợp tác với nhiều hình thức đa dạng, từ thấp đến cao (Đại hội VIII).

Kinh tế tập thể phát triển với nhiều hình thức hợp tác đa dạng, trong đó hợp tác xã là nòng cốt (Đại hội IX). Tiếp tục đổi mới, tạo động lực phát triển có hiệu quả các loại hình kinh tế tập thể (Đại hội X).

- Kinh tế tư nhân (bao gồm kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân) là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ

trung tâm là phát triển kinh tế, công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nâng cao nội lực của đất nước trong hội nhập kinh tế quốc tế (Hội nghị Trung ương 5 khoá IX). Kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là *một trong những động lực* của nền kinh tế; tạo điều kiện thuận lợi và định hướng, quản lý tự phát triển của kinh tế tư nhân theo pháp luật, không hạn chế về quy mô, ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn; xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử; bảo đảm thực sự bình đẳng; khuyến khích phát triển các doanh nghiệp lớn của tư nhân, các tập đoàn kinh tế tư nhân có nhiều chủ sở hữu với hình thức công ty cổ phần (Đại hội X).

- Kinh tế tư bản nhà nước được phát triển đa dạng dưới các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với kinh tế tư nhân trong nước và ngoài nước, mang lại lợi ích thiết thân cho các bên đầu tư kinh doanh (Đại hội IX).

- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được tạo điều kiện thuận lợi để phát triển (Đại hội IX): là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế Việt Nam, được đối xử bình đẳng như doanh nghiệp Việt Nam trong kinh doanh (Đại hội X).

- Công bằng xã hội không chỉ được thực hiện trong phân phối kết quả sản xuất, mà còn được thực hiện ở khâu phân phối tư liệu sản xuất, ở việc tạo ra những điều kiện cho mọi người phát huy tốt năng lực của mình. Khuyến khích làm giàu hợp pháp, chống làm giàu

phi pháp đi đôi với chăm lo xoá đói, giảm nghèo. thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển. về mức sống giữa các vùng, giữa các dân tộc, giữa các tầng lớp dân cư, đặc biệt quan tâm đến các vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến cũ. các gia đình thuộc diện chính sách. làm cho mọi người, mọi nhà đều tiến tới cuộc sống ấm no, hạnh phúc, ai cũng có việc làm, có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành và chữa bệnh, từng bước thực hiện điều Chủ tịch Hồ Chí Minh hằng mong ước. Thừa nhận sự tồn tại lâu dài các hình thức thuê mướn lao động nhưng không để biến thành quan hệ thống trị, dẫn tới sự phân hoá xã hội thành hai cực đối lập (Đại hội VIII).

- Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội (Đại hội IX, X). Đồng thời củng cố và mở rộng hệ thống an sinh xã hội (Đại hội X).

- Tiền lương phải được coi là giá cả sức lao động, được hình thành theo quy luật thị trường, dựa trên cung - cầu về sức lao động, chất lượng, cường độ lao động và mức cạnh tranh về việc làm (Hội nghị Trung ương 6 khoá X).

Từng bước mở rộng và cải thiện hệ thống an sinh xã hội để đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu đa dạng của mọi tầng lớp trong xã hội, nhất là của nhóm đối tượng chính sách, đối tượng nghèo (Hội nghị Trung ương 6 khoá X).

Trong tổ chức thực hiện, qua 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, chúng ta đã đạt được các thành tựu chủ yếu trên thực tiễn trong vấn đề sở hữu, thành phần kinh tế, chế độ phân phối là:

- Chế độ sở hữu và cơ cấu các thành phần kinh tế được đổi mới cơ bản từ hai hình thức sở hữu toàn dân và tập thể là chủ yếu, sang các hình thức sở hữu đan xen, hỗn hợp; từng bước xoá bỏ phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế thống nhất chung một luật đầu tư, luật doanh nghiệp và các luật về nghĩa vụ kinh doanh; quyền tự do, bình đẳng trong kinh doanh đã thực sự đi vào cuộc sống, tạo động lực và điều kiện thuận lợi cho phát huy, khai thác các tiềm năng trong và ngoài nước vào phát triển kinh tế - xã hội.

- Các thành phần kinh tế đều phát triển. Vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước được củng cố một bước. Khu vực doanh nghiệp nhà nước được sắp xếp lại và đổi mới cơ chế hoạt động, trọng tâm là đẩy mạnh cổ phần hoá; tập trung vào những ngành, lĩnh vực then chốt, thực hiện ngày càng nhiều hơn nguyên tắc thị trường, hoạt động có hiệu quả hơn. Các tổ hợp tác phát triển nhanh trong nhiều lĩnh vực; nhiều hợp tác xã mới được thành lập, hỗ trợ cho sự phát triển của kinh tế hộ, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp và dịch vụ ở nông thôn. Kinh tế tư nhân phát triển nhanh; các doanh nghiệp vừa và nhỏ thu hút ngày càng nhiều lao động, đóng góp tích cực vào giải quyết việc làm và phát triển kinh tế.

Khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có bước phát triển mạnh, góp phần tích cực vào phát triển nền kinh tế và tăng kim ngạch xuất khẩu.

- Chế độ phân phối đã có đổi mới, khắc phục một bước tính bình quân cào bằng.

Bên cạnh thành tựu trên, qua 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, trong tổ chức thực hiện còn những hạn chế, yếu kém chủ yếu sau đây:

- Tư duy mới về chế độ sở hữu đã được khẳng định, nhưng việc xử lý một số vấn đề về chính sách đất đai còn nhiều vướng mắc.

- Đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể còn nhiều hạn chế, chưa củng cố, tăng cường được theo hướng vị trí chủ đạo và vai trò nền tảng của các thành phần kinh tế này trong nền kinh tế.

- Vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước chưa được thể hiện rõ nét. Tốc độ tăng trưởng và hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước chưa tương xứng với những ưu đãi về nhiều mặt của Nhà nước, vẫn chưa tách bạch và còn lẫn lộn giữa độc quyền nhà nước và độc quyền doanh nghiệp, làm hạn chế các thành phần kinh tế khác phát triển. Thực tế chưa chuyển được từ cơ chế Nhà nước giao vốn sang cơ chế Nhà nước đầu tư vốn cho doanh nghiệp. Các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và doanh nghiệp nhà nước nắm cổ phần chi phối

chưa được quyền tự chủ trên một số mặt, hạn chế tính năng động trong kinh doanh.

- Đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể còn nhiều hạn chế, khó khăn nhất là khu vực nông nghiệp; tốc độ tăng trưởng, tỷ trọng kinh tế tập thể trong nền kinh tế giảm dần. Hầu hết các tổ hợp tác, hợp tác xã nhỏ, vốn, quỹ ít, phạm vi hoạt động hẹp, chỉ làm được một số khâu hỗ trợ kinh tế hộ. Nhiều tổ hợp tác tổ chức và hoạt động thiếu ổn định: một bộ phận hợp tác xã yếu kém kéo dài nhiều năm, nhất là hợp tác xã nông nghiệp cũ chuyển đổi, trong đó, nhiều hợp tác xã tồn tại trên danh nghĩa. Còn nhiều lúng túng và bất cập trong xác định mô hình và phương thức hoạt động của hợp tác xã.

- Chế độ phân phối đổi mới chậm, chính sách tiền lương chưa tạo được động lực thu hút và sử dụng người tài. Hệ thống an sinh xã hội chậm được hoàn thiện.

Trên cơ sở kế thừa Cương lĩnh năm 1991, những nhận thức mới qua các kỳ Đại hội và thực tiễn phát triển đất nước 20 năm qua, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã bổ sung và phát triển thêm nhiều điểm mới so với Cương lĩnh năm 1991:

- Về hệ thống các thành phần kinh tế:

Cương lĩnh năm 1991 xác định tên gọi của các thành phần kinh tế gồm: kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế gia đình.

Tên gọi một số thành phần kinh tế như trên đến nay đã lạc hậu, ít có giá trị chỉ đạo thực tiễn, vì cách xác định tên gọi của các thành phần kinh tế không chỉ có ý nghĩa lý luận mà còn có tác động đến thực tiễn, hiệu quả hoạt động của nền kinh tế, đặc biệt là thái độ đối với các thành phần kinh tế trên thực tế. Chính vì vậy, kế thừa quan điểm của các Đại hội Đảng từ năm 1991 đến nay, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đưa ra hệ thống các thành phần kinh tế: kinh tế nhà nước (thay cho kinh tế quốc doanh), kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Việc xác định các tên gọi mới không chỉ xuất phát từ nhận thức mới mà còn xuất phát từ thực tiễn kinh tế, đặc biệt, trong xây dựng cơ chế, chính sách phát triển kinh tế.

- Về mối quan hệ giữa các thành phần kinh tế:

Cương lĩnh năm 1991 chỉ nêu một ý chung: “Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng. Các tổ chức kinh tế tự chủ và liên kết, hợp tác và cạnh tranh trong sản xuất và kinh doanh”¹. Thực tiễn 20 năm qua cho thấy, việc xác định mối quan hệ giữa các thành phần kinh tế, đặc biệt, thái độ đối xử của Nhà nước, của xã hội có

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khoá VI, VII, VIII, IX, X)*, Sđd, phần I, tr. 414.

vai trò rất quan trọng tác động đến sự phát triển kinh tế. Chính vì vậy, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) rất chú ý nhấn mạnh đến vấn đề này: “Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh”¹.

Ở đây, cần đặc biệt lưu ý đến sự “bình đẳng”, “phát triển lâu dài”.

- Về vị trí, vai trò của các thành phần kinh tế:

+ Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

Cương lĩnh năm 1991 xác định: “Kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo”. Từ Đại hội VIII, Đảng ta đã sử dụng khái niệm “kinh tế nhà nước” thay cho “kinh tế quốc doanh”.

Kế thừa Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục xác định kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trên cơ sở làm rõ hơn nội hàm của thành phần kinh tế này và nội hàm của khái niệm chủ đạo.

Hội nghị Trung ương 3 khoá IX đã xác định: kinh tế nhà nước có **vai trò chủ đạo** theo nghĩa: “có vai trò quyết định trong việc giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, ổn định và phát triển kinh tế, chính trị, xã hội

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Sđd, tr. 73.

của đất nước”¹; đồng thời cũng xác định doanh nghiệp nhà nước giữ vị trí **then chốt** trong nền kinh tế, làm công cụ vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô, làm lực lượng nòng cốt, góp phần chủ yếu để kinh tế nhà nước thực hiện vai trò chủ đạo trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa². Thực tế những năm qua, nhất là trong điều kiện khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế toàn cầu, càng cho thấy phải khẳng định vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước và vai trò quan trọng, làm nòng cốt của doanh nghiệp nhà nước, gắn với vai trò quản lý và điều tiết nền kinh tế của Nhà nước. Như vậy, vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước không mâu thuẫn, hạn chế sự phát triển bình đẳng, lâu dài các thành phần kinh tế, mà chính là mở đường, thúc đẩy, tạo điều kiện, tạo động lực cho phát triển mạnh các thành phần kinh tế.

+ Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển.

Luận điểm này về cơ bản kế thừa Cương lĩnh năm 1991: “Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và mở rộng”.

+ Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày

1. 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khoá IX, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 6.

càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân (bổ sung cụm từ “vững chắc”).

Cần lưu ý rằng, luận điểm này rất dễ bị hiểu lầm. Trong quá trình thảo luận xây dựng Cương lĩnh, một số người cho rằng, nếu khẳng định như vậy thì trái với thực tiễn hiện nay. Vấn đề ở đây là, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải cố gắng làm cho luận điểm này trở thành hiện thực chứ không phải ngay từ đầu đã có trong hiện thực hay sau một thời gian ngắn có thể đạt được. Mặt khác, cũng không được đồng nhất “nền tảng” với quy mô, số lượng... Nội dung “nền tảng” là thế nào còn cần phải tiếp tục nghiên cứu, làm rõ thêm.

+ Kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế.

Trong Cương lĩnh năm 1991 chưa đưa ra thành phần kinh tế tư nhân. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đưa ra luận điểm này nhằm tiếp tục khẳng định vai trò, vị trí quan trọng của thành phần kinh tế này; đồng thời, việc xác định kinh tế tư nhân là “một trong những động lực” là không hề có ý coi nhẹ các thành phần kinh tế khác đối với sự phát triển của đất nước.

+ Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển.

Định hướng này thể hiện rõ tầm quan trọng của việc thu hút các nguồn lực bên ngoài cho phát triển.

- Về chế độ phân phối: Quan hệ phân phối bảo đảm công bằng và tạo động lực cho phát triển; các nguồn lực được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và theo nguyên tắc thị trường; thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng với nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội (Cương lĩnh năm 1991 mới chỉ khẳng định: “Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu”).

3. Về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Cương lĩnh năm 1991 nêu những định hướng quan trọng sau:

- Phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

- Xoá bỏ triệt để cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, hình thành cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác.

- Xây dựng và phát triển đồng bộ các thị trường hàng tiêu dùng, vật tư, dịch vụ, tiền vốn, sức lao động; thực hiện giao lưu kinh tế thông suốt cả nước và với thị trường thế giới.

- Xác định quyền của người sở hữu, quyền của người sử dụng tư liệu sản xuất và quyền quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, bảo đảm mọi tư liệu sản xuất đều có người làm chủ, mọi đơn vị kinh tế đều tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình.

- Đổi mới và nâng cao hiệu lực hướng dẫn, kiểm soát và điều tiết của Nhà nước.

Qua các kỳ Đại hội, Đảng đã có những bổ sung, phát triển trong vấn đề này như:

- Qua các nhiệm kỳ Đại hội, đã chuyển từng bước từ “Phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, theo định hướng xã hội chủ nghĩa vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước”, sang “Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa” (Đại hội VIII); “Phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa” (Đại hội IX).

- Tạo lập đồng bộ các yếu tố của thị trường; thúc đẩy sự hình thành, phát triển và từng bước hoàn thiện các loại thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa (Đại hội VIII, Đại hội IX, Đại hội X).

- Đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước. Nhà nước tạo môi trường pháp lý thuận lợi, bình đẳng cho các doanh nghiệp cạnh tranh và hợp tác để phát triển; bằng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và

chính sách, kết hợp với sử dụng lực lượng vật chất của Nhà nước để định hướng phát triển kinh tế - xã hội, khai thác hợp lý các nguồn lực của đất nước... (Đại hội IX, Đại hội X).

- Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là một nền kinh tế vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa chịu sự chi phối bởi các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội và các yếu tố bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa (Hội nghị Trung ương 6 khoá X).

- Các nhiệm kỳ Đại hội, đặc biệt là Đại hội X đã làm rõ hơn nội hàm định hướng xã hội chủ nghĩa của kinh tế thị trường. Đó là :

+ Thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”; giải phóng mạnh mẽ và không ngừng phát triển sức sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân; đẩy mạnh xoá đói, giảm nghèo, khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng, giúp đỡ người khác thoát nghèo và từng bước khá giả hơn.

+ Phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

+ Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hoá, y tế, giáo dục....

giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội.

+ Phát huy quyền làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng (Đại hội X).

Về kết quả đạt được trong tổ chức thực hiện các chủ trương do Cương lĩnh năm 1991 đề ra là:

- Xoá bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp; tách quản lý nhà nước về kinh tế và quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, bảo đảm quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Từng bước xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách, tạo hành lang pháp lý cho hoạt động tự chủ, cạnh tranh bình đẳng của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Từng bước hình thành và phát triển đồng bộ các thị trường cơ bản; thực hiện lưu thông tự do và giá thị trường với hầu hết các loại hàng hoá, dịch vụ; tiền lương, tiền công, lãi suất ngân hàng, giá cả đất đai được định theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước; các thị trường thống nhất, thông suốt cả nước, bước đầu liên kết với thị trường khu vực và quốc tế.

- Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước được hình thành, phát triển; huy động được các nguồn lực trong và ngoài nước vào phát triển kinh tế - xã hội, tạo được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế.

Bên cạnh đó, trong tổ chức thực hiện còn những hạn chế, yếu kém chủ yếu :

- Những đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hệ thống lý luận về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa tạo được sự nhất trí cao.

- Hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách chưa đầy đủ, đồng bộ, chưa tạo được hành lang pháp lý thuận lợi cho sự vận hành của nền kinh tế. Cơ cấu tổ chức, cơ chế vận hành của bộ máy quản lý nhà nước, thủ tục hành chính, năng lực đội ngũ cán bộ, công chức còn nhiều bất cập. Tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí còn nghiêm trọng.

- Một số loại thị trường hình thành, phát triển chậm, thiếu đồng bộ, vận hành chưa thông suốt. Tình trạng cạnh tranh không lành mạnh, gian lận thương mại... chậm được khắc phục .

- Những yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường chưa được quan tâm chỉ đạo đúng mức; có lúc buông lỏng vai trò quản lý của Nhà nước. Tác động tiêu cực của cơ chế thị trường chưa được khắc phục có hiệu quả.

Trên cơ sở kế thừa nhận thức và những kết quả đạt được qua các kỳ Đại hội, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) định hướng như sau:

- Cương lĩnh năm 1991 đã đề ra định hướng phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Sau 20 năm, trải qua các kỳ Đại hội VIII, IX, X, Đảng đã có nhiều nhận thức, tổng kết về xây dựng quan hệ sản xuất mới. Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đề ra định hướng xây dựng quan hệ sản xuất với cách diễn đạt và nội dung mới so với Cương lĩnh năm 1991: “*Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa* với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối”¹.

Với diễn đạt định hướng tổng quát mới như vậy, cho phép khắc phục được hoàn toàn tâm lý kỳ thị về mục tiêu xây dựng nền kinh tế thị trường hoàn chỉnh (thời kỳ đầu thập niên 90 của thế kỷ XX chúng ta chỉ nói đến “cơ chế thị trường”).

- Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục khẳng định việc phân định rõ quyền của người sở hữu, quyền của người sử dụng tư liệu sản xuất và quyền quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, bảo đảm cho mọi tư liệu sản xuất đều có người làm chủ,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr. 73.

mọi đơn vị kinh tế đều tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình.

Khảng định này gần như giữ nguyên so với Cương lĩnh năm 1991 (chỉ thay “phân định rõ” cho “xác định”). Tuy nhiên, đây vẫn là một vấn đề cần quan tâm đặc biệt, là một trong những chỗ còn “rối” trong lĩnh vực sở hữu và quản lý đất đai, quản lý các doanh nghiệp nhà nước, quản lý giá cả...

Sau khi ban hành Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), vấn đề này cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ để tháo gỡ những khó khăn trong các lĩnh vực nêu trên.

- Ngoài ra, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) bổ sung, nhấn mạnh thêm một số luận điểm:

+ Các yếu tố thị trường được tạo lập đồng bộ, các loại thị trường từng bước được xây dựng, phát triển, vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Nhà nước quản lý nền kinh tế, định hướng, điều tiết, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và lực lượng vật chất.

4. Về kinh tế đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế

Cương lĩnh năm 1991 chưa sử dụng khái niệm xây dựng “nền kinh tế độc lập tự chủ” và “hội nhập kinh tế quốc tế”, nhưng đã đề cập đến những nội dung rất quan trọng:

- Xác định quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản, với nhiều khó khăn, thử thách, đồng thời cũng có những thuận lợi, chúng ta phải “tiếp tục *nâng cao ý chí tự lực tự cường, phát huy mọi tiềm năng vật chất và trí tuệ của dân tộc đồng thời mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế*”¹.

- Một định hướng lớn về chính sách kinh tế là: “Khi kết thúc thời kỳ quá độ, hình thành về cơ bản nền kinh tế công nghiệp với *cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp - dịch vụ* gắn với phân công và hợp tác kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng”².

- Một trong những định hướng lớn về chính sách đối ngoại là: “Hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở những nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình”³.

Quá trình phát triển nhận thức qua các nhiệm kỳ Đại hội về kinh tế đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế thể hiện như sau:

- Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, trước hết là độc lập tự chủ về đường lối, chính sách phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tạo tiềm lực kinh tế, khoa học và công nghệ, cơ sở vật chất - kỹ thuật đủ mạnh; có cơ cấu

1. 2. 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khoá VI, VII, VIII, IX, X)*, Sđd, phần I, tr. 411, 414, 421.

kinh tế hợp lý, có hiệu quả và sức cạnh tranh; có thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô; bảo đảm an ninh lương thực, an toàn năng lượng, tài chính, môi trường; bảo đảm nền kinh tế đủ sức đứng vững và ứng phó được với các tình huống phức tạp, tạo điều kiện thực hiện có hiệu quả các cam kết hội nhập quốc tế (Đại hội IX).

- Xây dựng nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới (Đại hội VIII).

Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, đồng thời mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác. Phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường; lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất. Trong tiến trình mở cửa, hội nhập với nền kinh tế thế giới, phải biết khai thác tối đa mọi lợi thế so sánh và nguồn lực của đất nước. Phát huy cao độ nội lực, xem đó là nhân tố quyết định đối với sự phát triển; đồng thời ra sức tranh thủ ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

Gắn chặt việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Độc lập tự chủ về kinh tế tạo cơ sở cho hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả; hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả tạo điều kiện cần thiết để xây dựng kinh tế độc lập tự chủ (Đại hội X).

Kết quả tổ chức thực hiện trong thực tiễn qua 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991 về vấn đề trên như sau:

- Đã phá được thế đất nước bị bao vây, cấm vận; hội nhập ngày càng sâu vào nền kinh tế thế giới và khu vực, tham gia WTO và các định chế quốc tế.

- Có nhiều cố gắng trong việc thể chế hoá, điều chỉnh luật pháp phù hợp với các cam kết quốc tế.

Bên cạnh đó, vẫn còn những hạn chế, yếu kém chủ yếu:

- Khả năng độc lập tự chủ của nền kinh tế còn nhiều hạn chế: còn chịu ảnh hưởng lớn những biến động kinh tế của thế giới; tiềm lực kinh tế còn yếu; nhập siêu lớn; an ninh năng lượng chưa bảo đảm...

- Chưa tận dụng tốt điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế và phát huy được lợi thế so sánh, tham gia có hiệu quả vào quá trình phân công lao động quốc tế để phát triển nhanh và bền vững. Những năm đầu khi thực thi chủ trương mở cửa với bên ngoài vẫn có tình trạng e dè, sợ bị ảnh hưởng tiêu cực từ bên ngoài.

Kế thừa Cương lĩnh năm 1991, nhận thức và thực tiễn qua các kỳ Đại hội, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định:

Xây dựng nền kinh tế “độc lập, tự chủ”, đồng thời “chủ động và tích cực” hội nhập kinh tế quốc tế (Cương lĩnh năm 1991 chỉ nêu: ...cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp - dịch vụ gắn với phân công và hợp tác kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng; đẩy mạnh công nghiệp... hàng xuất khẩu, mở rộng kinh tế đối ngoại).

II- NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG LỚN VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ, GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI. CON NGƯỜI

1. Về định hướng phát triển văn hoá

Trong vấn đề phát triển văn hóa. Cương lĩnh năm 1991 nêu:

- Một trong sáu đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá: làm cho thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chỉ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người. Chống tư tưởng, văn hoá phản tiến bộ...

- Định hướng xây dựng nền văn hoá mới, tạo ra một đời sống tinh thần cao đẹp, phong phú và đa dạng, có nội dung nhân đạo, dân chủ, tiến bộ.

- Phát huy vai trò văn học, nghệ thuật trong việc nuôi dưỡng, nâng cao tâm hồn Việt Nam; khẳng định và biểu dương những giá trị chân chính, bồi dưỡng cái chân, cái thiện, cái mỹ theo quan điểm tiến bộ, phê phán những cái lỗi thời, thấp kém.

- Bảo đảm quyền được thông tin, quyền tự do sáng tạo của công dân.

- Phát triển các phương tiện thông tin đại chúng; thông tin đa dạng, nhiều chiều, kịp thời, chân thực và bổ ích.

Những nội dung cơ bản được phát triển nhận thức qua các nhiệm kỳ Đại hội Đảng gồm:

- Khẳng định văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội; nền văn hoá mà chúng ta xây dựng là nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; là nền văn hoá thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc; xây dựng và phát triển văn hoá là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng; văn hoá là một mặt trận, xây dựng và phát triển văn hoá là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng. Làm cho văn hoá thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội, vào từng người, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng, mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ con người (Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII).

- Xác định sự gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng, chỉnh đốn Đảng là then chốt với không ngừng nâng cao văn hoá - nền tảng tinh thần của xã hội, tạo nên sự phát triển đồng bộ của ba lĩnh vực trên chính là điều kiện quyết định bảo đảm cho

sự phát triển toàn diện và bền vững của đất nước. Nhân mạnh phải giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc (Kết luận của Hội nghị Trung ương 10 khoá IX).

- Chủ trương xã hội hoá hoạt động văn hoá (Đại hội X).

- Khẳng định vai trò đặc biệt quan trọng của văn học, nghệ thuật; tiếp tục bổ sung, hoàn thiện định hướng phát triển văn học, nghệ thuật thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ; bảo đảm tự do, dân chủ cho mọi hoạt động sáng tạo văn hoá, văn học, nghệ thuật đi đôi với phát huy trách nhiệm công dân của văn nghệ sĩ (Nghị quyết 23 của Bộ Chính trị khoá X về “Tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”).

- Tiếp tục hoàn thiện định hướng phát triển hệ thống thông tin đại chúng, xuất bản, nhấn mạnh yêu cầu nâng cao chất lượng tư tưởng và văn hoá, năng lực vươn lên hiện đại về mô hình, cơ cấu tổ chức và cơ sở vật chất - kỹ thuật của hệ thống thông tin đại chúng (Đại hội X).

- Phát huy tinh thần tự nguyện, tính tự quản và năng lực làm chủ của nhân dân trong đời sống văn hoá; đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá (Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII).

- Tiếp tục hoàn thiện các chủ trương, giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu quả quản lý của Nhà nước đối với văn hoá.

Những kết quả cơ bản đạt được trong tổ chức thực hiện các chủ trương của Cương lĩnh năm 1991 là:

- Văn hóa tiếp tục phát triển đa dạng, đúng hướng, gắn kết chặt chẽ với các lĩnh vực của đời sống, góp phần giữ vững ổn định chính trị và tạo nên những thành tựu về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại...

- Từng bước hình thành những nét mới trong chuẩn mực văn hoá, trong nhân cách con người Việt Nam thời kỳ mới.

- Văn học, nghệ thuật có bước tiến bộ, xuất hiện một số tác phẩm có giá trị.

- Thông tin đại chúng phát triển nhanh về số lượng, phong phú về loại hình; chất lượng từng bước được nâng lên...

- Xã hội hoá hoạt động văn hoá được triển khai; thị trường sản phẩm văn hoá, văn học, nghệ thuật đang hình thành.

- Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá được triển khai rộng rãi; đời sống tinh thần và trình độ hưởng thụ văn hoá của nhân dân được nâng lên. Tính chủ động, tích cực, sáng tạo của quần chúng được phát huy.

- Hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế về văn hoá ngày càng được mở rộng.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý văn hoá có tiến bộ. Thể chế hoá có bước tiến, tạo hành lang pháp lý phù hợp, thông thoáng cho hoạt động văn hoá.

Bên cạnh những thành tựu nêu trên, còn những hạn chế, yếu kém chủ yếu sau:

- Có một số biểu hiện của tư tưởng “duy kinh tế”, xem nhẹ văn hoá hoặc tư tưởng “duy văn hoá”, tách rời văn hoá với kinh tế.

- Lúng túng trong nhận thức và tổ chức thực hiện xã hội hoá hoạt động văn hoá; trong một bộ phận báo chí, xuất bản, văn hoá, nghệ thuật, xu hướng xa rời tôn chỉ, mục đích, chạy theo lợi ích vật chất đơn thuần chưa được khắc phục.

- Sự phát triển văn hoá chưa đồng bộ, chưa tương xứng với tăng trưởng kinh tế, thiếu gắn bó với nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

- Chưa góp phần tương xứng, chưa tạo được chuyển biến rõ rệt trong xây dựng con người. Môi trường văn hoá còn bị ô nhiễm bởi các tệ nạn xã hội, sự thoái hoá đạo đức, lối sống, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí...

- Đầu tư cho phát triển văn hoá chưa tương xứng, ít hiệu quả: một số cơ chế, chính sách chưa phù hợp với thực tiễn nhưng chậm được sửa đổi; hệ thống thiết chế văn hoá chưa đồng bộ, chưa hoàn chỉnh, còn nghèo nàn, ít những công trình có tầm vóc.

- Văn học, nghệ thuật còn ít tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng, nghệ thuật; lý luận phê bình văn học, nghệ thuật còn nhiều hạn chế; hoạt động sáng tác, trình diễn, quảng bá còn nhiều sai sót.

- Hệ thống thông tin đại chúng còn nhiều bất cập: một số cơ quan báo chí chưa thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích, có biểu hiện thương mại hoá...

- Thị trường các sản phẩm văn hoá còn sơ khai, tự phát.

- Số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ văn hoá chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển văn hoá trong thời kỳ mới.

- Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá thiếu chiều sâu, chưa vững chắc. Có biểu hiện hình thức: mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân chênh lệch; ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn thấp.

- Việc giới thiệu, quảng bá văn hoá Việt Nam ra nước ngoài còn nhiều hạn chế; việc tiếp thu có chọn lọc các giá trị văn hoá nhân loại chưa được quan tâm chỉ đạo.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý văn hoá còn nhiều khuyết điểm; chưa đổi mới, thiếu đồng bộ, thể chế hoá còn nhiều lúng túng, nhiều quan điểm, chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước chậm hoặc không đi vào cuộc sống.

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục khẳng định, làm giàu thêm các luận điểm của Cương lĩnh năm 1991 về định hướng xây dựng nền văn hóa. Đó là các luận điểm về:

- Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại.

- Khẳng định tính nhân văn, dân chủ, tiến bộ; khẳng định và biểu dương những giá trị chân chính, bồi dưỡng cái chân, cái thiện, cái mỹ theo quan điểm tiến bộ, phê phán những cái lỗi thời, thấp kém...

- Xây dựng nền văn hóa phong phú, đa dạng (nhấn mạnh thêm về tính thống nhất trong đa dạng)...

2. Về giáo dục và đào tạo

Cương lĩnh năm 1991 trình bày định hướng về giáo dục và đào tạo như một bộ phận trong định hướng về phát triển kinh tế. Những nội dung chủ yếu được trình bày trong Cương lĩnh năm 1991 như sau:

- Vị trí của giáo dục và đào tạo: cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo phải được xem là quốc sách hàng đầu.

- Định hướng phát triển giáo dục và đào tạo: phát triển giáo dục và đào tạo gắn liền với sự nghiệp phát triển kinh tế, phát triển khoa học, kỹ thuật, xây dựng nền văn hoá mới và con người mới.

- Chính sách phát triển giáo dục và đào tạo: thực hiện giáo dục phổ cập, phát triển năng khiếu, bồi dưỡng nhân tài.

Quá trình phát triển nhận thức chính qua các nhiệm kỳ Đại hội Đảng về giáo dục và đào tạo gồm:

- Sứ mạng của giáo dục và đào tạo: Phát triển giáo dục đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài; chính sách phát triển giáo dục và đào tạo: Phải coi đầu tư cho giáo dục là một trong những hướng chính của đầu tư phát triển, tạo điều kiện cho giáo dục đi trước và phục vụ đắc lực sự phát triển kinh tế - xã hội (Nghị quyết Trung ương 4 khoá VII).

- Vai trò của giáo dục và đào tạo: “Cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là nhân tố quyết định tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội”; trách nhiệm đối với sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo: “Giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân” (Nghị quyết Trung ương 2 khoá VIII).

- “Phát triển giáo dục và đào tạo là một trong những động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người” (Đại hội IX).

- Định hướng phát triển giáo dục và đào tạo: “chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá”; “cả nước trở thành một xã hội học tập”¹. (Đại hội IX).

Kết quả tổ chức thực hiện chủ trương về giáo dục và đào tạo gồm những nội dung chủ yếu:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khoá VI, VII, VIII, IX, X)*, Sđd, phần II, tr. 86.

- Đầu tư tăng, quy mô giáo dục và đào tạo được mở rộng.

- Đổi mới giáo dục được triển khai, xã hội hoá giáo dục từng bước được thực hiện.

- Công tác quản lý có một số tiến bộ: chất lượng giáo dục, đào tạo có mặt được nâng lên.

Những hạn chế, yếu kém chủ yếu là:

- Giáo dục và đào tạo chưa được đầu tư tương xứng với vai trò quốc sách hàng đầu: chưa gắn kết chặt chẽ với sự nghiệp phát triển kinh tế, phát triển khoa học, kỹ thuật, xây dựng nền văn hoá mới và con người mới. Chất lượng giáo dục và đào tạo còn thấp.

- Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo thiếu tầm nhìn xa và cơ sở khoa học vững chắc; đổi mới giáo dục và đào tạo còn lúng túng, chắp vá, ít hiệu quả.

- Lý tưởng, đạo đức và lối sống của một bộ phận thế hệ trẻ không phù hợp với chuẩn mực xã hội. Chất lượng giáo dục và đào tạo nhìn chung chưa đáp ứng được yêu cầu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài; chưa phục vụ hiệu quả sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế của đất nước.

- Quản lý giáo dục còn lúng túng; chưa tạo được sự đồng thuận trong xã hội.

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục khẳng định và làm phong phú thêm, chính xác hóa, bổ sung một số luận điểm của Cương lĩnh năm 1991.

- Về vị trí của giáo dục và đào tạo:

+ Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục khẳng định: phát triển giáo dục và đào tạo cùng với phát triển khoa học và công nghệ, phải được xem là quốc sách hàng đầu; bổ sung thêm nội dung “đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư phát triển”¹.

+ Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) bổ sung thêm nội dung: “Giáo dục và đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng phát triển đất nước, xây dựng nền văn hoá và con người Việt Nam”².

- Về định hướng phát triển giáo dục và đào tạo:

Cương lĩnh năm 1991 khẳng định: “*Giáo dục và đào tạo* gắn liền với sự nghiệp phát triển kinh tế, phát triển khoa học, kỹ thuật, xây dựng nền văn hoá mới và con người mới”³.

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) nâng luận điểm này lên cao hơn: “Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo theo nhu cầu phát triển của xã hội: nâng cao chất lượng theo yêu cầu chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hoá và hội nhập quốc

1. 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr. 77.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khoá VI, VII, VIII, IX, X), Sđd*, phần I, tr. 416.

tế, phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội và điều kiện cho mọi công dân được học tập suốt đời”¹.

3. Về khoa học, công nghệ và môi trường

Đối với các định hướng phát triển khoa học, công nghệ và môi trường, Cương lĩnh năm 1991 cũng trình bày trong phần định hướng kinh tế, với các nội dung chủ yếu như sau:

- Khẳng định vị trí của khoa học, công nghệ cùng với giáo dục, đào tạo phải được xem là quốc sách hàng đầu.

- Xác định vai trò then chốt của khoa học, công nghệ: trong sự phát triển lực lượng sản xuất và nâng cao trình độ quản lý, bảo đảm chất lượng và tốc độ phát triển của nền kinh tế.

- Định hướng chiến lược khoa học, công nghệ: nhằm mục tiêu công nghiệp hoá theo hướng hiện đại, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới.

- Sử dụng có hiệu quả và tăng nhanh tiềm lực khoa học, công nghệ của đất nước.

- Phát triển đồng bộ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật đi đôi với phát triển giáo dục và văn hoá, nâng cao dân trí.

- Xác định phải tuân thủ nghiêm ngặt việc bảo vệ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr. 77.

môi trường, giữ gìn cân bằng sinh thái cho thế hệ hiện tại và mai sau.

Qua các nhiệm kỳ Đại hội, Đảng đã có nhiều nhận thức mới về khoa học, công nghệ và môi trường:

- Khẳng định khoa học, công nghệ là nền tảng và động lực thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phát triển kinh tế tri thức (Đại hội X).

- Hoàn thiện các quan điểm chỉ đạo đối với khoa học và công nghệ: khẳng định là quốc sách hàng đầu, là động lực phát triển kinh tế - xã hội, là nội dung then chốt trong mọi hoạt động của các ngành, các cấp; là nhân tố chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và củng cố quốc phòng, an ninh; là sự nghiệp cách mạng của toàn dân: phát huy năng lực nội sinh kết hợp với tiếp thu thành tựu khoa học và công nghệ thế giới... (Nghị quyết Trung ương 2 khoá VIII).

- Xác định rõ hơn định hướng phát triển công nghệ; hình thành thị trường khoa học và công nghệ; đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân (Nghị quyết Trung ương 6 khoá IX).

- Khẳng định "Phát triển khoa học và công nghệ cùng với phát triển giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước"¹ (Đại hội IX).

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khoá VI, VII, VIII, IX, X)*, Sđd. phần II, tr. 88.

- Đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ (Đại hội VIII). Tăng vốn đầu tư của ngân sách và huy động các nguồn lực khác cho khoa học và công nghệ (Đại hội IX). Đa dạng hoá các nguồn lực đầu tư cho khoa học và công nghệ, huy động các thành phần kinh tế tham gia các hoạt động khoa học, công nghệ. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ (Đại hội X).

- Nhận thức về tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái được nâng cao hơn, cụ thể hơn, bức thiết hơn; hình thành quan điểm phát triển bền vững gắn giữa phát triển kinh tế với xã hội, với môi trường. Xác định rõ các quan điểm: bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề sống còn của nhân loại; vừa là mục tiêu, vừa là một trong những nội dung cơ bản của phát triển bền vững; là quyền lợi và nghĩa vụ của mọi tổ chức, mọi gia đình và của mỗi người... (Nghị quyết số 41-NQ/TW, ngày 15-11-2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước).

Trong tổ chức thực hiện chủ trương về khoa học, công nghệ và môi trường, đã đạt được những thành tựu chủ yếu:

- Nhận thức về vị trí, vai trò của khoa học và công nghệ được nâng cao hơn trong toàn xã hội, trong các cấp lãnh đạo, quản lý.

- Khoa học (cả khoa học tự nhiên và khoa học xã hội)

và công nghệ ngày càng phục vụ tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vào sự phát triển của đất nước.

- Tiềm lực khoa học, công nghệ được phát huy: một số ít chuyên ngành, lĩnh vực đạt trình độ quốc tế. Đầu tư cho khoa học, công nghệ được tăng cường.

- Thị trường công nghệ đang hình thành.

- Công tác quản lý hoạt động khoa học, công nghệ từng bước được đổi mới.

- Công tác bảo vệ môi trường được đẩy mạnh hơn.

Bên cạnh đó là những hạn chế, yếu kém chủ yếu cần khắc phục:

- Về nhận thức, trong lãnh đạo, quản lý và tham mưu các cấp còn nhận thức chưa đúng, chưa đầy đủ vai trò, vị trí của khoa học, công nghệ, sự cấp thiết phải ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất kinh doanh và công tác quản lý.

- Khoa học, công nghệ chưa thực sự là quốc sách hàng đầu, chưa đóng vai trò then chốt trong sự phát triển đất nước; đóng góp của khoa học, công nghệ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước còn thấp.

- Trình độ nền kinh tế, trình độ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, trình độ khoa học, công nghệ nhìn chung còn thấp; đầu tư cho khoa học, công nghệ (cả của Nhà nước, của các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, của xã hội...) còn thấp, sử dụng hiệu quả chưa cao, do đó chưa tạo được "cầu" đủ lớn mạnh để cuốn hút, thúc đẩy phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ.

- Công tác lãnh đạo, quản lý khoa học, công nghệ ở các cấp, các ngành, các địa phương chưa thể hiện rõ sự gắn kết hữu cơ giữa xác định mục tiêu, nhiệm vụ hoạt động khoa học, công nghệ với cấp kinh phí, với định hướng ứng dụng cụ thể nhằm làm tăng chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh của các ngành kinh tế, của các sản phẩm hàng hoá.

- Cơ chế, chính sách quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp và cơ chế quản lý khoa học, công nghệ chưa được đổi mới đồng bộ, chưa tạo được sự gắn bó hữu cơ, có hiệu quả cao giữa nhà đầu tư, nhà cấp kinh phí (mà Nhà nước là chủ yếu) với nhà hoạt động khoa học, công nghệ và với nhà ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ vào sản xuất kinh doanh, chưa xử lý được mối quan hệ lợi ích hợp lý, thoả đáng giữa các chủ thể này từ kết quả và hiệu quả ứng dụng khoa học, công nghệ.

- Vấn đề bảo vệ môi trường chưa được quan tâm đúng mức, nhận thức chậm, lạc hậu so với thực tiễn; thiếu kiên quyết, thiếu giải pháp cụ thể, thiếu nguồn lực để xử lý những cơ sở, những địa bàn bị ô nhiễm nghiêm trọng; môi trường sinh thái, môi trường tự nhiên ở nhiều nơi đang bị xuống cấp, bị huỷ hoại gây ra những hậu quả to lớn, khó lường, lâu dài về nhiều mặt.

So với Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục khẳng định, phát triển nội dung:

- Khoa học và công nghệ giữ vai trò then chốt trong việc phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, bảo vệ tài nguyên và môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tốc độ phát triển và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Phát triển khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới.

- Phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học và công nghệ gắn với phát triển văn hoá và nâng cao dân trí.

- Tăng nhanh và sử dụng có hiệu quả tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước, tiếp thu và sử dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại trên thế giới.

Đồng thời, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) có một số luận điểm mới so với Cương lĩnh năm 1991 là:

- Phát triển khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu phát triển kinh tế tri thức.

- Nghiên cứu và ứng dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại trên thế giới.

- Hình thành đồng bộ cơ chế, chính sách khuyến khích sáng tạo, trọng dụng nhân tài và đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ.

- Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội và nghĩa vụ của mọi công dân.

- Kết hợp chặt chẽ giữa kiểm soát, ngăn ngừa, khắc phục ô nhiễm với khôi phục và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Phát triển “năng lượng sạch”, “sản xuất sạch” và “tiêu dùng sạch”.

- Coi trọng nghiên cứu, dự báo và thực hiện các giải pháp ứng phó với quá trình biến đổi khí hậu và thảm họa thiên nhiên.

- Quản lý, bảo vệ, tái tạo và sử dụng hợp lý có hiệu quả tài nguyên quốc gia.

4. Về định hướng chính sách xã hội

Nội dung chủ yếu về định hướng chính sách xã hội được trình bày trong Cương lĩnh năm 1991:

- Chính sách xã hội đúng đắn vì hạnh phúc con người là động lực to lớn phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Phương hướng cơ bản là thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội; thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, tập hợp mọi lực lượng phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh.

- Phương hướng lớn của chính sách xã hội là phát huy nhân tố con người trên cơ sở bảo đảm công bằng, bình đẳng...; kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội, đời sống vật chất - đời sống tinh thần, nhu cầu trước mắt - lợi ích lâu dài; cá nhân - tập thể - cộng đồng xã hội.

- Các chính sách bảo đảm không ngừng *nâng cao đời sống vật chất* của mọi thành viên trong xã hội (ăn, ở, đi lại, học tập, chữa bệnh, việc làm, thu nhập...).

- Khuyến khích tăng thu nhập và làm giàu dựa vào kết quả lao động.

- Chú trọng cải thiện điều kiện sống, lao động và học tập của người mẹ, thanh thiếu niên; chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em; coi việc giảm tốc độ dân số là một quốc sách, thiết lập hệ thống đồng bộ và đa dạng về bảo hiểm và trợ cấp xã hội; phát triển các công trình phúc lợi xã hội, nhà ở.

- Có chính sách thích đáng với các gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, cán bộ lão thành, người về hưu. Chăm lo đời sống người già cả, neo đơn, tàn tật, mất sức lao động, trẻ mồ côi.

- Định hướng xây dựng cộng đồng xã hội văn minh; phát triển giai cấp công nhân, xây dựng giai cấp nông dân, đào tạo, bồi dưỡng và phát huy mọi tiềm năng của đội ngũ trí thức, đặc biệt coi trọng việc xây dựng một đội ngũ công nhân lành nghề, những nhà kinh doanh có tài, những người quản lý giỏi, các nhà khoa học, kỹ thuật có trình độ cao; quan tâm thích đáng lợi ích và phát huy khả năng của các tầng lớp dân cư vì sự nghiệp "ích nước lợi nhà"; động viên sự cống hiến của đồng bào Việt Nam ở nước ngoài góp phần tích cực xây dựng quê hương xứ sở.

- Thực hiện bình đẳng nam nữ; chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc phát triển...

- Khẳng định tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân; thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng...

Qua các nhiệm kỳ Đại hội đến nay, Đảng đã có những bổ sung, phát triển chủ yếu sau:

- Hoàn thiện mục tiêu chiến lược phát triển đất nước, gắn mục tiêu dân giàu, nước mạnh với xã hội công bằng, dân chủ, văn minh (Đại hội IX).

- Kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội trong phạm vi cả nước, ở từng lĩnh vực, ở từng địa phương; thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội; tăng trưởng kinh tế phải gắn với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển (Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII).

- Tiếp tục hoàn thiện tư tưởng chiến lược phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc; chú trọng bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ; coi trọng đoàn kết dân tộc, tôn giáo, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài...

- Tiếp tục hoàn thiện định hướng xây dựng giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức và thanh niên trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập kinh tế quốc tế (các Nghị quyết Trung ương 6, 7 khoá X).

- Hoàn chỉnh hệ thống chính sách bảo đảm cung ứng dịch vụ công cộng thiết yếu, bình đẳng cho mọi người dân.

- Tiếp tục đổi mới nhận thức trong định hướng chính sách phân phối, chính sách tiền lương, xây dựng hệ thống an sinh xã hội (bảo hiểm, hỗ trợ, ưu đãi xã hội...).

- Thực hiện chính sách khuyến khích làm giàu chính đáng theo pháp luật đi đôi với xoá đói, giảm nghèo...

- Khẳng định tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân; tồn tại lâu dài; đồng bào các tôn giáo là một bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc; phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo...

Trong thực tiễn, những nội dung định hướng về chính sách xã hội của Cương lĩnh năm 1991 đã được đưa vào cuộc sống và đã đạt được những kết quả chủ yếu sau:

- Giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

- Khối đại đoàn kết dân tộc tiếp tục được củng cố, đồng thuận xã hội được tăng cường.

- Cơ cấu xã hội chuyển dịch theo hướng tích cực, phù hợp với yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Các nguồn lực xã hội được khai thác, phát huy có hiệu quả hơn.

- Xoá đói, giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa đạt được những kết quả quan trọng; an sinh xã hội có tiến bộ; chăm sóc sức khoẻ cộng đồng, công tác dân số - gia đình - trẻ em có nhiều cố gắng; đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội đạt được kết quả nhất định.

- Bình đẳng giới và tiến bộ phụ nữ đạt được những thành tựu lớn.

Bên cạnh đó, trong tổ chức thực hiện còn những hạn chế, yếu kém chủ yếu như:

- Chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, giữa quyền lợi và nghĩa vụ công dân; giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần; giữa nhu cầu trước mắt và lợi ích lâu dài; giữa lợi ích cá nhân với tập thể cộng đồng. Xây dựng giai cấp công nhân, nông dân và đội ngũ trí thức chưa được quan tâm đúng mức. Phân hoá về lợi ích, phân tầng xã hội có chiều hướng tăng. Nhiều vấn đề dân sinh bức xúc chậm được giải quyết có hiệu quả. Tình trạng tội phạm, tệ nạn xã hội vẫn phức tạp.

- Thu nhập bình quân đầu người còn thấp; phân hoá thu nhập ngày càng tăng; một bộ phận nhân dân đời sống còn nhiều khó khăn (đặc biệt ở nông thôn, miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số).

- Kết quả đạt được về bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ chưa toàn diện.

- Việc đổi mới tư duy về những vấn đề xã hội chậm hơn so với đổi mới tư duy kinh tế. Chưa nhận thức sâu sắc, quan tâm đầy đủ, đầu tư đúng tầm đối với các vấn đề xã hội.

- Luật pháp và các cơ chế, chính sách bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội chưa đồng bộ; chưa tạo cơ hội.

điều kiện cho mọi người được thụ hưởng đầy đủ các thành quả của phát triển kinh tế.

Trong việc định hướng đối với chính sách xã hội, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục khẳng định những luận điểm của Cương lĩnh năm 1991, đồng thời viết gọn lại và có những bổ sung, phát triển sau:

- Vị trí của chính sách xã hội:

Chính sách xã hội đúng đắn, công bằng vì con người là động lực mạnh mẽ phát huy mọi năng lực sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (khẳng định này nhắc lại khẳng định trong Cương lĩnh năm 1991, chỉ diễn đạt lại cho chuẩn xác hơn).

- Mối quan hệ của chính sách xã hội với kinh tế:

Kết hợp chặt chẽ, hợp lý phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách.

So với Cương lĩnh năm 1991, luận điểm này được trình bày chặt hơn, mở rộng hơn: Bổ sung thêm “phát triển văn hóa, xã hội”; thay “ tiến bộ xã hội” bằng “ tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách”.

Đây không chỉ là một bước tiến về mặt nhận thức trên cơ sở tổng kết thực tiễn đổi mới mà còn là một bước tiến về cách làm, trong hành động.

- Chính sách đối với đời sống của nhân dân:

+ Bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; **phát triển hài hoà đời sống vật chất và đời sống tinh thần**, không ngừng nâng cao đời sống của mọi thành viên trong xã hội về ăn, ở, đi lại, học tập, nghỉ ngơi, chữa bệnh và nâng cao thể chất, **gắn nghĩa vụ với quyền lợi, cống hiến với hưởng thụ, lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và cộng đồng xã hội.**

+ Tạo môi trường và điều kiện để mọi người lao động có việc làm và **thu nhập tốt hơn**. Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá nghèo bền vững. Có chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ tạo động lực để phát triển; có chính sách điều tiết hợp lý thu nhập trong xã hội; **giảm dần tình trạng chênh lệch giàu - nghèo giữa các vùng, miền, các tầng lớp dân cư.**

+ Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội. Thực hiện tốt chính sách đối với người và gia đình có công với nước.

+ Chú trọng cải thiện điều kiện sống, lao động và học tập của thanh niên, thiếu niên, giáo dục và bảo vệ trẻ em. Chăm lo đời sống những người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật, mất sức lao động và trẻ mồ côi.

+ **Hạn chế, tiến tới đẩy lùi và giảm tệ nạn xã hội. Bảo đảm quy mô hợp lý, cân bằng giới tính và chất lượng dân số.**

Các tư tưởng chỉ đạo nêu trong phần này về cơ bản như Cương lĩnh năm 1991, nhưng diễn đạt, trình bày

mới hơn, có bổ sung, phát triển như thể hiện bởi các từ in đậm.

Chú ý một số điểm:

Phát triển chủ trương “Khuyến khích tăng thu nhập và làm giàu dựa vào kết quả lao động”¹ (Cương lĩnh năm 1991) thành “Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá nghèo bền vững”².

Phát triển chủ trương “thiết lập một hệ thống đồng bộ và đa dạng về bảo hiểm và trợ cấp xã hội”³ (Cương lĩnh năm 1991) thành “hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội”⁴.

Bổ sung chủ trương: “Hạn chế, tiến tới đẩy lùi tội phạm và giảm tác hại của tệ nạn xã hội. Bảo đảm quy mô hợp lý, cân bằng giới tính và chất lượng dân số”⁵.

· Chính sách đối với các giai tầng xã hội:

+ Hình thành một cộng đồng xã hội văn minh, trong đó *các giai cấp, các tầng lớp dân cư* đoàn kết, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi.

So với Cương lĩnh năm 1991, ở đây bổ sung từ “bình đẳng”- một yêu cầu quan trọng trong giai đoạn hiện nay.

1, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khoá VI, VII, VIII, IX, X)*, Sđd, phần I, tr. 416, 417.

2, 4, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Sđd, tr. 79, 80.

+ Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng; là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam, giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

So với Cương lĩnh năm 1991, bổ sung cả cụm từ “là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam”¹ để khẳng định vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân.

+ Xây dựng, phát huy vai trò chủ thể của giai cấp nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn.

So với Cương lĩnh năm 1991, bổ sung “vai trò chủ thể” nhằm nâng cao vị thế của giai cấp nông dân.

+ Đào tạo, bồi dưỡng, phát huy mọi tiềm năng và sức sáng tạo của đội ngũ trí thức để tạo nguồn lực trí tuệ và nhân tài cho đất nước.

So với Cương lĩnh năm 1991, ở đây đã bổ sung cụm từ “sức sáng tạo”, một đặc trưng quan trọng của đội ngũ trí thức cần phát huy.

+ Xây dựng đội ngũ những nhà kinh doanh có tài, những nhà quản lý giỏi, có trách nhiệm xã hội, tâm huyết với đất nước và dân tộc.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr. 80.

+ Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ - chủ nhân tương lai của đất nước.

So với Cương lĩnh 1991, đây là luận điểm mới được bổ sung trong phần này.

+ Thực hiện bình đẳng giới và hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ.

+ Quan tâm thích đáng lợi ích và phát huy khả năng của các tầng lớp dân cư khác. Hỗ trợ **đồng bào định cư ở nước ngoài** ổn định cuộc sống, giữ gìn bản sắc dân tộc, chấp hành tốt pháp luật nước sở tại, hướng về quê hương, tích cực góp phần xây dựng đất nước.

So với Cương lĩnh năm 1991, bổ sung luận điểm về đồng bào định cư ở nước ngoài.

+ Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa *các dân tộc*, tạo mọi điều kiện để các dân tộc cùng phát triển, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá, ngôn ngữ, truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Chống tư tưởng kỳ thị và chia rẽ dân tộc. Các chính sách kinh tế - xã hội phải phù hợp với đặc thù của các vùng và các dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số.

Đoạn này diễn đạt chi tiết hơn Cương lĩnh năm 1991.

+ Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do *tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo* của nhân dân theo quy định của pháp luật. Đấu tranh và xử lý nghiêm đối với mọi hành động vi phạm tự do tín ngưỡng, tôn

giáo và lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm tổn hại đến lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

Xuất phát từ tổng kết thực tiễn xử lý vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo trong quá trình đổi mới, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) nhấn mạnh thêm cụm từ “theo quy định của pháp luật” nhằm khẳng định vai trò của pháp luật trong giải quyết vấn đề này, đề cao pháp luật, tính khách quan.

5. Về định hướng chính sách xây dựng con người

Trong lý luận về chủ nghĩa xã hội, vấn đề con người và giải phóng con người luôn được đặt ở vị trí trung tâm. Chính vì vậy, trong Cương lĩnh năm 1991 đã đặt vấn đề con người là một trong sáu đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng: giải phóng con người khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân. Trong định hướng xây dựng con người, Cương lĩnh năm 1991 trình bày:

- Xác định con người Việt Nam trong thời kỳ mới là con người có ý thức làm chủ, ý thức trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khỏe và lao động giỏi; sống có văn hoá và tình nghĩa; giàu lòng yêu nước và tinh thần quốc tế chân chính.

- Phát huy nhân tố con người trên cơ sở bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân là phương hướng lớn của chính sách xã hội.

- Kết hợp và phát huy đầy đủ vai trò của xã hội, các đoàn thể, nhà trường, gia đình, từng tập thể lao động và tập thể dân cư trong việc chăm lo bồi dưỡng hình thành *con người mới*.

Quá trình phát triển nhận thức qua các nhiệm kỳ Đại hội Đảng về vấn đề con người, phát triển những nội dung chủ yếu sau:

- Ngày càng nhận thức đầy đủ hơn, sâu sắc hơn về nhân tố con người. Đặt con người vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, vừa là động lực, vừa là mục tiêu của sự phát triển. Giải phóng con người gắn liền và nằm trong tiến trình giải phóng dân tộc.

- Đề cao quyền con người và quyền làm chủ của nhân dân (Đại hội IX).

- Phát huy nhân tố con người và phát triển nguồn nhân lực gắn với phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ.

- Tiếp tục cụ thể hoá, bổ sung năm đức tính của con người Việt Nam trong thời kỳ mới (Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII).

- Thực hiện chiến lược quốc gia về nâng cao sức khoẻ, tầm vóc con người Việt Nam, tăng tuổi thọ và cải thiện chất lượng giống nòi (Đại hội X).

Trong quá trình thực hiện chủ trương của Cương lĩnh năm 1991 về xây dựng con người, chúng ta đã thu được những thành tựu chủ yếu:

- Dân chủ xã hội được mở rộng; quyền làm chủ của nhân dân được tôn trọng; năng lực, sáng kiến cá nhân được phát huy, góp phần quan trọng giữ vững ổn định, phát triển kinh tế, xã hội.

- Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện; xoá đói, giảm nghèo đạt được những kết quả quan trọng; chỉ số phát triển con người Việt Nam ngày càng cao.

- Những phẩm chất tốt đẹp của người Việt Nam tiếp tục được bồi đắp, phát huy.

Tuy nhiên, trong việc thực hiện chủ trương xây dựng con người vẫn còn những hạn chế, yếu kém chủ yếu:

- Còn có biểu hiện xem nhẹ yếu tố con người và nguồn nhân lực trong đầu tư phát triển, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân và lợi ích chính đáng của cá nhân; có biểu hiện tuyệt đối hoá cá nhân, lợi ích cá nhân, tự do cá nhân; chưa thấy hết trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội đối với việc xây dựng con người.

- Còn lúng túng trong công tác giáo dục, xây dựng con người về tư tưởng, đạo đức, lối sống.

- Điều kiện bảo đảm chăm lo nâng cao chất lượng cuộc sống của con người (học hành, chăm sóc sức khoẻ, vui chơi, giải trí,...) còn nhiều hạn chế.

- Mặt trái của cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế đã gây một số tác động tiêu cực; còn lúng túng

trước sự biến động phức tạp của một số giá trị trong nhân cách con người dẫn đến sự xuống cấp của đạo đức xã hội.

Về vấn đề con người, so với Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) có những bổ sung, phát triển sau:

- Về vị trí của vấn đề xây dựng con người:

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định thái độ coi trọng vấn đề con người để khắc phục tình trạng còn coi nhẹ như trên đã trình bày:

Con người là trung tâm của chiến lược phát triển. Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, đất nước và quyền làm chủ của nhân dân.

- Về trách nhiệm xây dựng con người:

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định:

+ Kết hợp và phát huy đầy đủ vai trò của xã hội, gia đình, nhà trường, từng tập thể lao động, các đoàn thể và cộng đồng dân cư trong việc chăm lo xây dựng con người (như khẳng định của Cương lĩnh năm 1991).

+ Đơn vị sản xuất, công tác, học tập, chiến đấu phải là môi trường **rèn luyện** phong cách **làm việc** có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất và hiệu quả cao, **bồi đắp** tình bạn, tình đồng chí, đồng đội, hình thành nhân cách con người và nền văn hoá **Việt Nam** (về cơ bản như Cương lĩnh năm 1991).

- Về những phẩm chất cần xây dựng:

Theo Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), con người cần xây dựng phải có những phẩm chất: “giàu lòng yêu nước, có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khoẻ, lao động giỏi; sống có văn hoá, nghĩa tình; có tinh thần quốc tế chân chính”¹ (về cơ bản như Cương lĩnh năm 1991).

Cùng với việc xây dựng con người là việc xây dựng gia đình: “Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng, trực tiếp giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách”² (về cơ bản như Cương lĩnh năm 1991, thêm cụm từ “hạnh phúc”).

III. NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG LỚN VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI

1. Về quốc phòng, an ninh

Cương lĩnh năm 1991 xác định nhiệm vụ của quốc phòng, an ninh là: “bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, lãnh thổ toàn vẹn của Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, sự ổn định chính trị, trật tự và an toàn xã hội, quyền làm chủ của nhân dân, làm thất bại mọi

1. 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr. 76-77.

âm mưu và hành động của các thế lực đế quốc, phản động phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta”¹.

- Khẳng định bốn quan điểm, chủ trương lớn:

+ “Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của toàn dân và của Nhà nước. Không ngừng nâng cao giác ngộ và cảnh giác chính trị của nhân dân, xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân trong điều kiện mới, với những lực lượng nòng cốt tinh nhuệ”².

+ “Sự ổn định và phát triển mọi mặt đời sống xã hội là nền tảng của quốc phòng - an ninh. Phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - an ninh, quốc phòng - an ninh với kinh tế trong các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Từng bước xây dựng nền công nghiệp quốc phòng, bảo đảm cho các lực lượng vũ trang, trong đó có công an nhân dân được trang bị kỹ thuật ngày càng hiện đại”³.

+ “Xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân với số quân thường trực thích hợp theo hướng cách mạng, chính quy, từng bước hiện đại, tinh nhuệ, với lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ hùng hậu, có sức

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (khoá VI, VII, VIII, IX, X)*, *Sổđ*, phần I, tr. 419-420.

chiến đấu cao. Phát triển đường lối và nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân trong hoàn cảnh mới.

Xây dựng lực lượng công an nhân dân thật sự là một lực lượng vũ trang chính quy từng bước hiện đại, tinh nhuệ. Ngăn chặn, trừng trị kịp thời mọi hành động phá hoại của bọn phản cách mạng và tội phạm khác, bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, giữ gìn tốt trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền lợi, tính mạng và tài sản của nhân dân. Kết hợp lực lượng chuyên trách, nửa chuyên trách, các cơ quan bảo vệ pháp luật với phong trào quần chúng. Kết hợp biện pháp phòng ngừa, giáo dục là cơ bản với trấn áp, trừng trị các loại tội phạm.

Chăm lo nâng cao phẩm chất cách mạng, trình độ chính trị, quân sự, văn hoá, khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ cho các lực lượng vũ trang, cho đội ngũ sĩ quan và hạ sĩ quan chuyên nghiệp. Bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ và chiến sĩ phù hợp với tính chất hoạt động của quân đội nhân dân và công an nhân dân”¹.

+ “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội và công an nhân dân”².

Các luận điểm trên đây của Cương lĩnh năm 1991 đã được Đảng phát triển, bổ sung qua các nhiệm kỳ Đại hội Đảng như:

1. 2. *Sđđ.* phần I, tr. 420.

- Xác định sáu mục tiêu của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay: *một là*, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; *hai là*, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; *ba là*, bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; *bốn là*, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; *năm là*, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nền văn hoá; *sáu là*, giữ vững ổn định chính trị và môi trường hoà bình, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa (Nghị quyết Trung ương 8 khoá IX).

- Xác định đầy đủ hơn nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc là: “Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng văn hoá và an ninh xã hội; duy trì trật tự, kỷ cương, an toàn xã hội; giữ vững ổn định chính trị của đất nước, ngăn ngừa, đẩy lùi và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá, thù địch, không để bị động, bất ngờ”¹ (Đại hội X).

- Đảng ta đã có nhận thức mới về “bạn - thù”, “địch - ta” “đối tác - đối tượng” (Nghị quyết Trung ương 8 khoá IX).

1. *Sđd*, phần II, tr. 373.

- Khẳng định rõ các quan điểm, phương châm chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc:

+ Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; bảo vệ Tổ quốc, tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt.

+ Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân với nền tảng là “thế trận lòng dân”, của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh của lực lượng và thế trận quốc phòng toàn dân với sức mạnh của lực lượng và thế trận an ninh nhân dân.

+ Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và an ninh, quốc phòng và an ninh với kinh tế trong các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; phối hợp chặt chẽ hoạt động quốc phòng và an ninh với hoạt động đối ngoại.

+ Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; nâng cao chất lượng tổng hợp, sức chiến đấu để lực lượng vũ trang thật sự là lực lượng chính trị trong sạch, vững mạnh, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, được nhân dân tin cậy, yêu mến.

+ Kiên quyết làm thất bại mọi âm mưu và thủ đoạn “diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ; coi trọng nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, nâng cao khả năng tự bảo vệ của mỗi người, của từng tổ chức, cơ quan, đơn vị; chủ động phòng ngừa, sớm phát hiện và triệt tiêu những nhân tố bên trong có thể dẫn đến những đột biến bất lợi.

+ Hoàn thiện hệ thống luật pháp về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc; tăng cường quản lý nhà nước về quốc phòng và an ninh trên phạm vi cả nước và từng địa phương, cơ sở, đưa nhiệm vụ đó vào chương trình chính khoá đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; thể chế hoá các chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân.

+ Thường xuyên tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân, đối với sự nghiệp quốc phòng và an ninh.

Trên thực tiễn 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, các chủ trương về quốc phòng, an ninh đã được thực hiện với những thành tựu chủ yếu là:

- Thành tựu cơ bản, bao trùm là giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, sự lãnh đạo của Đảng, chế độ xã hội chủ nghĩa, an ninh quốc gia, ổn định chính trị - xã hội và trật tự an toàn xã hội.

- Đã xây dựng Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới (Nghị quyết Trung ương 8 khoá IX); Chiến lược

bảo vệ an ninh quốc gia (Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá VIII).

- Xây dựng và củng cố được thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội và đối ngoại. Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, theo hướng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, thực sự là chỗ dựa tin cậy của Đảng, Nhà nước và của nhân dân.

- Đã kịp thời ngăn chặn, dập tắt các vụ gây rối, bạo loạn chính trị, vô hiệu hoá hoạt động của các đối tượng phản động trong và ngoài nước, không để bên ngoài lấy cớ can thiệp; đẩy lùi các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

- Đã nâng cao một bước nhận thức và trình độ hiểu biết về quốc phòng, an ninh cho toàn Đảng, toàn dân, cho các cấp, các ngành.

- Đã hình thành và từng bước hoàn thiện hệ thống luật pháp về bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

Tuy vậy, bên cạnh những thành tựu kể trên, còn những hạn chế, yếu kém chủ yếu là:

- Nhận thức và hành động trong Đảng, trong xã hội về một số mặt trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh chưa thống nhất (vấn đề đối tác, đối tượng, sự phối hợp giữa hoạt động quốc phòng, an ninh với hoạt động đối ngoại...), chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa hai

nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo và Nhà nước quản lý trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

- Chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, có tư tưởng coi đây là trách nhiệm riêng của quân đội, công an.

- Công tác nghiên cứu, dự báo, tham mưu chiến lược chưa đáp ứng được yêu cầu; có lúc, có nơi còn dễ xảy ra bị động, bất ngờ...

- Chất lượng tổng hợp của lực lượng vũ trang còn hạn chế ...

- Chế độ, chính sách đối với các lực lượng vũ trang ở biên giới, hải đảo còn nhiều bất cập.

- Việc kết hợp giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng và an ninh có lúc, có nơi chưa chặt chẽ.

Kế thừa nhận thức và thực tiễn qua các kỳ Đại hội, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) về cơ bản tiếp tục các luận điểm của Cương lĩnh năm 1991 về quốc phòng, an ninh, đồng thời có một số bổ sung, phát triển.

- Về mục tiêu, nhiệm vụ của quốc phòng, an ninh:

+ Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

+ Bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa (bổ sung “Đảng”, “Nhà nước” so với Cương lĩnh năm 1991).

+ Giữ vững hoà bình, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.

+ Chủ động ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta (so với Cương lĩnh 1991, nhấn mạnh thêm “chủ động”).

- Về trách nhiệm đối với quốc phòng, an ninh:

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định việc tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của **Đảng**, Nhà nước và toàn dân, trong đó **Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt**. Như vậy, so với Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) nhấn mạnh thêm trách nhiệm của Đảng, Quân đội và Công an.

- Về mối quan hệ giữa quốc phòng với an ninh, kinh tế:

+ Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân vững chắc.

+ Sự ổn định và phát triển bền vững mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội là nền tảng vững chắc của quốc phòng - an ninh. Phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với tăng cường sức mạnh quốc phòng - an ninh. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - an ninh, quốc phòng - an ninh với kinh tế trong **từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch**, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và **trên từng địa bàn**.

So với Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) nhấn mạnh hơn yêu cầu gắn chặt quốc phòng, an ninh với kinh tế - xã hội (trong **từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và trong từng địa bàn**).

- Định hướng xây dựng nền quốc phòng, an ninh:

+ Phát triển đường lối, nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân và lý luận, khoa học an ninh nhân dân. **Chủ động, tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh.**

Điểm mới của Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) so với Cương lĩnh năm 1991 là luận điểm về chủ động, tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh.

+ Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, được nhân dân tin yêu. Xây dựng Quân đội nhân dân với số quân thường trực hợp lý, có sức chiến đấu cao; lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ rộng khắp.

+ Xây dựng lực lượng Công an nhân dân vững mạnh toàn diện; kết hợp lực lượng chuyên trách, ban chuyên trách, các cơ quan bảo vệ pháp luật với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

+ Chăm lo nâng cao phẩm chất cách mạng, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang; bảo đảm đời sống vật chất,

tin thần phù hợp với tính chất hoạt động của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân trong điều kiện mới.

+ Xây dựng nền công nghiệp quốc phòng, **an ninh**, bảo đảm cho các lực lượng vũ trang được trang bị kỹ thuật từng bước hiện đại.

Điểm mới của Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) so với Cương lĩnh năm 1991 là bổ sung thêm nội dung “an ninh” vào nền “công nghiệp quốc phòng”.

+ Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng - an ninh.

Điểm mới của Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) so với Cương lĩnh năm 1991 là bổ sung thêm luận điểm về tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng, sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng - an ninh.

2. Về định hướng chính sách đối ngoại

Cương lĩnh năm 1991 xác định một trong sáu đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là: “Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới”¹.

1. *Sđđ*, phần I, tr. 411.

Về mục tiêu của chính sách đối ngoại, Cương lĩnh khẳng định: “tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đi lên chủ nghĩa xã hội, góp phần vào sự nghiệp đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội”¹.

Cương lĩnh đưa ra bảy định hướng lớn về chính sách đối ngoại:

+ “Hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở những nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình”².

+ “Không ngừng củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác truyền thống với các nước xã hội chủ nghĩa, các nước anh em trên bán đảo Đông Dương”³.

+ “Đảng Cộng sản Việt Nam trước sau như một ủng hộ các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào cách mạng trong cuộc đấu tranh vì những mục tiêu chung của thời đại. Đảng Cộng sản Việt Nam sẵn sàng thiết lập và mở rộng quan hệ với các đảng và các lực lượng đấu tranh chống các thế lực hiếu chiến, xâm lược, áp bức bóc lột các nước chậm tiến, vì hoà bình thế giới và tiến bộ xã hội”⁴.

+ “Tham gia tích cực các tổ chức quốc tế và phong trào Không liên kết vì mục tiêu hoà bình, độc lập dân tộc và phát triển”⁵.

1, 2, 3, 4, 5. *Sđd*, phần I, tr. 411, 420-421.

+ “Phát triển quan hệ với các nước Đông Nam Á, tích cực góp phần xây dựng khu vực này thành khu vực hoà bình và hợp tác”¹.

+ “Phát triển quan hệ hợp tác, hữu nghị, giúp đỡ lẫn nhau với các nước đang phát triển”².

+ “Mở rộng sự hợp tác cùng có lợi với các nước phát triển”³...

Qua các nhiệm kỳ Đại hội, Đảng đã có rất nhiều bổ sung, phát triển. Hội nghị Trung ương 3 khoá VII đã ra nghị quyết chuyên đề về đối ngoại; các nhiệm kỳ Đại hội VII, VIII, IX, X đã phát triển thành đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển.

Nghị quyết Trung ương 8 khoá IX phát triển quan điểm về mục tiêu của công tác đối ngoại: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là mục tiêu cơ bản của cách mạng và cũng là lợi ích căn bản của quốc gia; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội, lấy việc giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa là lợi ích cao nhất của Tổ quốc.

Từ Đại hội VII đến nay, Đảng ta luôn xác định nhiệm vụ của công tác đối ngoại gồm ba vế: (1) Giữ vững môi trường hoà bình; (2) Tạo và tranh thủ các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới,

1, 2, 3. *Sđd*, phần I, tr. 421.

công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; (3) Góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Nghị quyết Trung ương 3 khoá VII đã xác định tư tưởng chỉ đạo chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta là giữ vững nguyên tắc vì độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội, đồng thời phải rất sáng tạo, năng động, linh hoạt, phù hợp với vị trí, điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của nước ta, cũng như diễn biến của tình hình thế giới và khu vực, phù hợp với đặc điểm từng đối tượng ta có quan hệ.

Nghị quyết Trung ương 8 khoá IX nhấn mạnh quan điểm chỉ đạo công tác đối ngoại của ta là: kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội; quán triệt đường lối độc lập tự chủ, kiên trì chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá theo phương châm “thêm bạn, bớt thù”, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cố gắng gia tăng hợp tác, tránh xung đột, đối đầu, tránh bị cô lập, lệ thuộc; lấy việc giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội là lợi ích cao nhất của Tổ quốc.

Nghị quyết Trung ương 3 khoá VII nêu bốn phương châm xử lý các vấn đề quan hệ quốc tế: *Một là*, bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính, kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân. *Hai là*, giữ vững độc lập tự chủ, tự lực tự cường,

dẩy mạnh đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ đối ngoại. *Ba là*, nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ quốc tế. *Bốn là*, tham gia hợp tác khu vực, đồng thời mở rộng quan hệ với tất cả các nước.

Đại hội X nhấn mạnh phương châm phát triển công tác đối ngoại nhân dân là: “chủ động, linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả”¹. Trong mở rộng quan hệ về mặt Nhà nước, chúng ta tuân thủ các nguyên tắc: tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực; bình đẳng và cùng có lợi; giải quyết các bất đồng và tranh chấp bằng thương lượng hoà bình; làm thất bại mọi âm mưu và hành động gây sức ép, áp đặt và cưỡng quyền. Đây là các nguyên tắc cơ bản của quan hệ quốc tế được ghi trong Hiến chương Liên hợp quốc, và cũng là thành quả đấu tranh chung của các dân tộc trên thế giới, trong đó có dân tộc ta. Các nguyên tắc này phù hợp với lợi ích của dân tộc ta, đất nước ta.

Trong quan hệ đối ngoại của Đảng và các đoàn thể, tổ chức nhân dân (đối ngoại nhân dân), chúng ta thực hiện các nguyên tắc: độc lập tự chủ; bình đẳng; tôn trọng lẫn nhau; không can thiệp công việc nội bộ của nhau; cùng nhau thúc đẩy hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Ta không quan hệ với các đảng, tổ chức cực đoan.

1. *Sđd.*, phần II, tr.376.

Đại hội IX của Đảng ta đã nhận định: “Toàn cầu hoá kinh tế là một xu thế khách quan, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia; xu thế này đang bị một số nước phát triển và các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia chi phối, chứa đựng nhiều mâu thuẫn, vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác vừa có đấu tranh”¹. Để phát triển, nước ta không thể đứng ngoài quá trình toàn cầu hoá kinh tế mà phải chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường. Đây là một nội dung rất quan trọng của đường lối đối ngoại trong điều kiện quá trình toàn cầu hoá kinh tế đang diễn ra mạnh mẽ.

“Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại. Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao của Nhà nước và đối ngoại nhân dân; chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại; đối ngoại, quốc phòng và an ninh; thông tin đối ngoại và thông tin trong nước”² (Đại hội X).

1, 2. *Sđd*, phần II, tr. 51, 378.

Trong tổ chức thực hiện, các chủ trương, đường lối mà Cương lĩnh năm 1991 đề ra trên lĩnh vực đối ngoại đã đạt được những thành tựu chủ yếu:

- Thực hiện thành công đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển của giai đoạn đổi mới, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

- Đã phá được thế đất nước bị bao vây, cấm vận; mở rộng quan hệ đối ngoại đa phương, đa dạng với tất cả các nước; mở rộng quan hệ đối ngoại của Đảng và đối ngoại nhân dân; gia nhập các tổ chức quốc tế và khu vực; nâng cao vị thế của Việt Nam ở khu vực và trên thế giới.

- Góp phần giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ; từng bước giải quyết hoà bình các vấn đề biên giới, lãnh thổ, biển, đảo với các nước liên quan; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Bên cạnh những thành tựu trên, Trung ương cũng chỉ ra những hạn chế, yếu kém chủ yếu:

- Quan hệ đối ngoại của Việt Nam với nhiều chủ thể quan hệ quốc tế chưa bền vững.

- Ảnh hưởng của Việt Nam ở khu vực và trên thế giới chưa tương xứng với vị trí, vai trò của nước ta.

- Chưa có sự thống nhất cao về nhận thức và hành động về một số vấn đề đối ngoại.

- Sự phối hợp giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân, giữa hoạt động quốc phòng, an ninh và hoạt động đối ngoại, giữa chính trị đối ngoại, kinh tế đối ngoại và văn hoá đối ngoại, giữa thông tin đối ngoại và thông tin trong nước có lúc, có nơi chưa chặt chẽ, đồng bộ.

- Công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược về đối ngoại chưa sâu (nhất là về các nước lớn).

Trên cơ sở tiếp thu về nhận thức và hoạt động thực tiễn qua các kỳ Đại hội, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã bổ sung, phát triển nhiều nội dung, luận điểm của Cương lĩnh năm 1991.

- Về mục tiêu, nhiệm vụ của chính sách đối ngoại

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) tiếp tục khẳng định mục tiêu đã được trình bày trong Cương lĩnh năm 1991, nhưng *diễn đạt cụ thể hơn*: nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

- Về các định hướng đối ngoại:

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định:

+ Thực hiện nhất quán đường lối *đối ngoại* độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, **chủ động và tích cực hội nhập**

quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước, vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế.

+ Hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.

+ Trước sau như một ủng hộ các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào tiến bộ xã hội trong cuộc đấu tranh vì những mục tiêu chung của thời đại; mở rộng quan hệ với các đảng **cánh tả, đảng cầm quyền** và những đảng khác trên cơ sở bảo đảm lợi ích quốc gia, giữ vững độc lập, tự chủ, vì hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

+ Tăng cường hiểu biết, tình hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước trên thế giới.

+ Phấn đấu cùng các nước ASEAN xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển phồn vinh.

Trong các định hướng trên, so với Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) có rất nhiều điểm mới, bổ sung như: đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, **chủ động và tích cực hội nhập quốc tế**; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; hợp tác bình đẳng, cùng có lợi

với tất cả các nước; quan hệ với các đảng **cánh tả, các đảng cầm quyền...**

Đây là những điểm kế thừa của đường lối, chủ trương đối ngoại trong suốt quá trình đổi mới 20 năm qua.

Cương lĩnh xác định rõ hơn cơ sở của sự hợp tác: Hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.

Phần thứ ba

VỀ CÁC ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

I- CÁC ĐỊNH HƯỚNG VỀ XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN

1. Xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

Cương lĩnh năm 1991 xác định dân chủ là đặc trưng thứ nhất trong sáu đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng (“do nhân dân lao động làm chủ”), đồng thời, khẳng định:

- Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và nhân dân...; xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện

nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

- Dân chủ gắn liền với công bằng xã hội phải được thực hiện trong thực tế cuộc sống trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội thông qua hoạt động của Nhà nước do nhân dân cử ra và bằng các hình thức dân chủ trực tiếp.

- Dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương, phải được thể chế hoá bằng pháp luật và được pháp luật bảo đảm.

- Nhà nước định ra các đạo luật nhằm xác định các quyền công dân và quyền con người, quyền đi đôi với nghĩa vụ và trách nhiệm.

Qua các nhiệm kỳ Đại hội, vấn đề dân chủ tiếp tục được bổ sung, phát triển với các nội dung chủ yếu:

- Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thể hiện mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân (Đại hội IX).

- Xác định “do nhân dân làm chủ”, thay cho “do nhân dân lao động làm chủ” (Đại hội X).

- Xây dựng một xã hội dân chủ, trong đó cán bộ, đảng viên và công chức phải thật sự là công bộc của nhân dân. Nhà nước, đại diện quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời là người tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng. Mọi đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, có sự tham gia ý kiến của nhân dân.

Xác định các hình thức tổ chức và có cơ chế để nhân dân thực hiện quyền làm chủ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội (Đại hội X).

- Thực hiện các cơ chế cụ thể để thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” đối với các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước; dân chủ trong quá trình chuẩn bị ra các quyết định và tổ chức thực hiện các quyết định; làm chủ thông qua các cơ quan dân cử, các tổ chức, đoàn thể chính trị, xã hội, nghề nghiệp; làm chủ trực tiếp ở cơ sở, bằng các hình thức nhân dân tự quản, bằng các quy ước, hương ước tại cơ sở phù hợp với luật pháp của Nhà nước, tạo điều kiện để nhân dân tham gia quản lý xã hội, thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng; khắc phục mọi biểu hiện dân chủ hình thức (Đại hội X).

- Chăm lo cho con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người, tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia (tức là gắn dân chủ với quyền con người) (Đại hội X).

Trong tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối về dân chủ, những thành tựu chủ yếu đạt được là:

- Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta có nhiều đổi mới theo hướng xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị từng bước được sắp xếp theo hướng tinh gọn, hiệu quả hơn.

Hoạt động của hệ thống chính trị ngày càng hướng về cơ sở.

Các cấp uỷ đảng xây dựng và thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc, thể hiện tinh thần dân chủ.

Quốc hội, Chính phủ, hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân các cấp phát huy dân chủ, đổi mới hoạt động lập pháp, cải cách hành chính, công khai các hoạt động của chính quyền, tăng cường đối thoại, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân...

- Các yêu cầu và nội dung của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa bước đầu được thể chế hoá thành luật, pháp lệnh, nghị định và tổ chức thực hiện. Thành tựu rõ nét nhất là việc xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, thể hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

- Dân chủ trong xã hội có bước phát triển. Quyền ứng cử, lựa chọn trong bầu cử, giám sát đại biểu được thực hiện có hiệu quả hơn. Quyền của công dân tham gia vào các công việc Nhà nước và xã hội, xây dựng các quyết định quan trọng của Đảng và Nhà nước được mở rộng và có tiến bộ hơn. Trình độ và năng lực làm chủ của nhân dân từng bước được tăng lên.

Những hạn chế, yếu kém chủ yếu trong thực hiện chủ trương dân chủ trong thực tiễn là:

- Chủ trương của Đảng là xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, song trong cuộc sống thực tế vai trò của dân, của con người còn hạn hẹp, thụ động, chưa thể hiện rõ chính dân là người tạo ra, làm nên nền dân chủ và kiểm soát việc thực hành dân chủ.

- Chưa quy định được một cách cụ thể và đầy đủ các quyền dân chủ của nhân dân. Quyền làm chủ của nhân dân ở nhiều nơi còn bị vi phạm.

- Còn không ít biểu hiện dân chủ hình thức, nhất là trong bầu cử.

- Tình trạng quan liêu, không thực sự tôn trọng dân chủ và thực hành dân chủ còn khá nặng trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức.

- Công tác kiểm tra, phát hiện và uốn nắn những sai lầm, hạn chế trong thực hành dân chủ của các cấp chưa chặt chẽ và thường xuyên, hiệu quả thấp.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục về dân chủ và kỷ luật chưa tốt. Một bộ phận nhân dân kém hiểu biết về chính sách, pháp luật, thiếu ý thức trách nhiệm công dân, dễ bị kích động, lợi dụng, đã có những hành vi vi phạm pháp luật ảnh hưởng không tốt đến an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội.

Kế thừa Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định:

- Về vị trí, vai trò của dân chủ: *Dân chủ xã hội chủ nghĩa* là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước.

Nhiệm vụ xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa:

+ Bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống.

+ Phải thực hiện dân chủ ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực...

+ Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương; quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ công dân.

+ Dân chủ phải được thể chế hoá bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm; quyền và nghĩa vụ công dân do Hiến pháp và luật quy định.

+ Nhà nước tôn trọng và bảo đảm các quyền con người, quyền công dân; chăm lo hạnh phúc, sự phát triển tự do của mỗi người. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua hoạt động của Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện.

Điểm mới của Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) so với Cương lĩnh năm 1991 là làm rõ, đầy đủ hơn các mối quan hệ; khẳng định dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực; dân chủ phải được thực hiện ở mỗi cấp; dân chủ gắn với nhân quyền (quyền con người); Nhà nước chăm lo hạnh phúc, sự phát triển tự do của mỗi người...

2. Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước

Cương lĩnh năm 1991 khẳng định:

- Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của nhân dân,

do nhân dân, vì nhân dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và nhân dân.

- Là tổ chức thực hiện và thể hiện ý chí, quyền lực của nhân dân, thay mặt nhân dân, Nhà nước ta phải có đủ quyền lực và đủ khả năng định ra luật pháp và tổ chức, quản lý mọi mặt của đời sống xã hội bằng pháp luật.

- Tổ chức và hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất quyền lực, có sự phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

- Nhà nước Việt Nam thống nhất ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, với sự phân công rành mạch ba quyền đó.

Sau Cương lĩnh năm 1991, vấn đề Nhà nước nói chung, đặc biệt về Nhà nước pháp quyền, đã được thảo luận trong các nhiệm kỳ Đại hội Đảng. Thuật ngữ “Xây dựng nhà nước pháp quyền” lần đầu tiên được đề cập tại Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khoá VII (năm 1991). Phương hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam được khẳng định tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII, sau đó được phát triển và cụ thể hoá qua các Đại hội tiếp theo. Cụ thể như sau:

- Năm quan điểm cơ bản trong xây dựng Nhà nước pháp quyền là: (1) Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân; lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo; (2) Thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hoạt động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và nhân dân; (3) Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; (4) Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước; (5) Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước (Hội nghị Trung ương 8 khoá VII).

- Mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng và quản lý nhà nước; nâng cao chất lượng hoạt động và kiện toàn tổ chức Quốc hội; tiếp tục cải cách nền hành chính nhà nước; cải cách tư pháp; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước (Hội nghị Trung ương 3 khoá VIII).

Tiếp tục khẳng định nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng, bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp (Đại hội IX và X).

Những thành tựu chủ yếu trong tổ chức thực hiện Cương lĩnh năm 1991 đến nay là:

- Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước được phân định rõ hơn, phân biệt quản lý nhà nước với quản lý sản xuất kinh doanh; chuyển từ Nhà nước trực tiếp quản lý sản xuất kinh doanh theo kế hoạch pháp lệnh sang Nhà nước quản lý bằng pháp luật và xã hội hoá một số công việc của Nhà nước.

- Bộ máy nhà nước đã được kiện toàn một bước, từ cơ cấu tổ chức đến cơ chế hoạt động trên các lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp. Tổ chức và hoạt động của Quốc hội được đổi mới, cải cách hành chính và cải cách tư pháp được tiến hành đạt một số kết quả. Quản lý nhà nước bằng pháp luật được tăng cường. Ban hành Hiến pháp năm 1992 và được sửa đổi, bổ sung năm 2001.

- Mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước, các đoàn thể xã hội và nhân dân được xác định rõ hơn; phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước từng bước được đổi mới; mối quan hệ của Nhà nước với các đoàn thể và nhân dân được thể chế hoá một bước.

- Những luận điểm của Đảng về Nhà nước đề cập trong Cương lĩnh và bổ sung, phát triển qua các nhiệm kỳ Đại hội đã được thể chế hoá trong Hiến pháp năm 1992 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2001) và trong các đạo luật cụ thể. Tính chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nguyên tắc phân công quyền lực đã được khẳng định tại Điều 2 của Hiến pháp.

Tuy vậy, trong thực tiễn còn những hạn chế, yếu kém chủ yếu trong vấn đề xây dựng Nhà nước là:

- Nội hàm của các nguyên tắc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, trong đó có ba vấn đề cốt lõi mang bản chất của Nhà nước ta là: hoạt động của bộ máy nhà nước phải thực sự dân chủ; Nhà nước phải chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân; toàn bộ quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, chưa được làm rõ và quán triệt trong cán bộ, đảng viên, công chức, nên lúng túng trong tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước trên thực tế.

- Quan niệm chưa thật rõ về sự thống nhất quyền lực nhà nước, về sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Trong thực tế còn có sự chồng chéo, không khớp về trách nhiệm và thẩm quyền của các cơ quan đó. Vai trò, vị thế của toà án còn yếu, không tương xứng với chức năng bảo vệ công lý.

- Cải cách bộ máy nhà nước, đặc biệt là cải cách hành chính, cải cách tư pháp thực hiện còn chậm. Bộ máy hành chính còn nhiều bất hợp lý về cơ cấu tổ chức, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ.

- Hiệu lực quản lý, điều hành của Nhà nước còn yếu và chưa thông suốt. Tính chủ động, ý thức trách nhiệm của từng địa phương chưa được phát huy đầy đủ.

- Nguyên tắc tập-trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước chưa được thực hiện nhất quán.

- Hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, việc thực thi pháp luật chưa nghiêm, ý thức chấp hành pháp luật chưa cao; kỷ cương phép nước còn bị xem nhẹ ở nhiều nơi; tệ cửa quyền, quan liêu, tham nhũng, lãng phí chưa được đẩy lùi.

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) về cơ bản tiếp tục khẳng định các luận điểm của Cương lĩnh năm 1991, đồng thời có kế thừa những bổ sung, phát triển một số nội dung khi bàn về bản chất của Nhà nước, quan hệ giữa ba quyền của Nhà nước... qua các nhiệm kỳ Đại hội Đảng. Cụ thể:

- Về bản chất của Nhà nước ta:

+ Nhà nước ta là *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa* của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Đây là điểm mới so với Cương lĩnh năm 1991.

+ Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

+ Nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

- Về quan hệ giữa ba quyền cơ bản của Nhà nước:

+ Quyền lực nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Cương lĩnh năm 1991 đã nêu về ba quyền, nhưng chỉ nói đến sự phân công thực hiện ba quyền đó, chưa đề cập tới sự phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong thực hiện những quyền này. Tuy nhiên, Cương lĩnh năm 1991 đã có nhận thức về ba quyền này. Điều này chứng tỏ, lúc đó vấn đề Nhà nước pháp quyền đã được thảo luận tuy chưa có sự thống nhất cao để có thể đưa vào Cương lĩnh.

+ Nhà nước ban hành pháp luật, tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

- Về quan hệ giữa Nhà nước và nhân dân: Nhà nước phục vụ nhân dân, gắn bó chặt chẽ với nhân dân, thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của nhân dân và chịu sự giám sát của nhân dân; có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, vô trách nhiệm, lạm quyền, xâm phạm quyền dân chủ của công dân; giữ nghiêm kỷ cương xã hội, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

- Về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước: Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân

Về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, Cương lĩnh năm 1991 khẳng định như sau:

- Thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, tập hợp mọi lực lượng phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đoàn kết toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là liên minh chính trị của các đoàn thể nhân dân và cá nhân tiêu biểu của các giai cấp và tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên vừa là người lãnh đạo Mặt trận. Mặt trận hoạt động theo phương thức hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên theo chương trình hành động chung.

- Các đoàn thể nhân dân vừa vận động đoàn viên, hội viên giúp nhau chăm lo, bảo vệ các lợi ích thiết thực; vừa giáo dục nâng cao trình độ mọi mặt cho đoàn viên, hội viên; vừa tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

- Đảng tôn trọng tính tự chủ, ủng hộ mọi hoạt động tích cực, sáng tạo và chân thành lắng nghe ý kiến đóng góp của Mặt trận và các đoàn thể. Nhà nước hỗ trợ,

tạo điều kiện cho Mặt trận và các đoàn thể nhân dân hoạt động có hiệu quả.

Qua các nhiệm kỳ Đại hội, Đảng đã có nhiều nhận thức mới, bổ sung về Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, chủ yếu như:

- Đã nhận thức ngày càng sâu sắc hơn ý nghĩa và vai trò của “đoàn kết toàn dân”, “đại đoàn kết toàn dân”, “đại đoàn kết toàn dân tộc”.

- Xác định tính chất Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là “một tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của các đoàn thể chính trị - xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp và tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo”¹. Đồng thời, chỉ ra Mặt trận và các tổ chức thành viên là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân (Đại hội VIII).

- Xác định rõ hơn vai trò của Mặt trận và các đoàn thể là: “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong việc tập hợp, vận động, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân; đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân, đưa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các chương trình kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh vào cuộc sống... Nhà nước ban hành cơ chế để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân

1. *Sđd*, phần I, tr. 707.

thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội”¹.
(Đại hội X).

- Xác định rõ trách nhiệm của Đảng, chính quyền là: “Các cấp uỷ đảng và chính quyền có chế độ tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân; thường xuyên lắng nghe ý kiến của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân phản ánh với Đảng và Nhà nước những vấn đề mà nhân dân quan tâm, tham gia xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật. Thực hiện tốt Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, quy chế dân chủ ở mọi cấp để Mặt trận, các đoàn thể và nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị”² (Đại hội X).

Trong tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng về Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở nước ta, đã đạt được những thành tựu chủ yếu:

- Nhà nước đã thể chế hoá Nghị quyết Đại hội VIII và ban hành Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Thanh niên, Luật Bình đẳng giới và nhiều đạo luật khác liên quan đến vai trò, hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân như: Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân; các luật tổ chức bộ máy nhà nước; Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Bảo vệ và chăm sóc trẻ em...

- Mở rộng về tổ chức, quy định thêm “tổ chức xã hội - nghề nghiệp” cũng trong thành phần của liên minh chính trị.

1, 2. *Sđd*, phần II, tr. 384 - 385.

- Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân đã có đổi mới về tổ chức, bộ máy; về nội dung và phương thức hoạt động, đa dạng hoá các hình thức tập hợp các tầng lớp nhân dân; phát huy dân chủ; chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân; tham gia xây dựng và củng cố chính quyền; hướng mạnh hoạt động về cơ sở, địa bàn dân cư; tập hợp, vận động, đoàn kết các tầng lớp nhân dân vừa bằng phong trào, vừa bằng tổ chức, tăng cường sự đồng thuận trong nhân dân.

- Việc thực hiện nhiệm vụ giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được tiến hành từ sau khi có Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở một số đối tượng đã được quy định trong chính sách, luật pháp. Hoạt động giám sát chủ yếu ở cơ sở.

- Các cấp uỷ đảng và chính quyền đã thực hiện chế độ tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân, nghe ý kiến của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân về những vấn đề xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật.

Ngoài ra, trong công việc này còn những hạn chế, yếu kém chủ yếu:

- Chưa có nhận thức thật rõ và thống nhất về tính chất, vị trí của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong hệ thống chính trị (Mặt trận Tổ quốc là liên minh chính trị, đồng thời lại là liên hiệp tự nguyện của rất nhiều tổ chức xã hội - nghề nghiệp); về tính chất của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp...

- Tư tưởng nhân dân làm chủ trong cơ chế vận hành của hệ thống chính trị chưa được nhận thức đầy đủ và chưa thể hiện rõ trong thực tế.

- Tính tự chủ của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân chưa được tôn trọng đầy đủ.

- Tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân chưa khắc phục được tình trạng hành chính hoá, bệnh hình thức.

- Chưa xây dựng được cơ chế để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân thực hiện giám sát và phản biện xã hội.

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) về cơ bản giữ như Cương lĩnh năm 1991, có bổ sung, phát triển, trình bày rõ, chặt chẽ hơn nhiều điểm về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân. Cụ thể như:

- Về vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân:

+ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ Đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, chăm lo lợi ích của các đoàn viên, hội viên; thực hiện dân chủ và xây dựng xã hội lành mạnh.

+ Tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước; giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng, quyền và nghĩa vụ công dân, tăng cường mối liên hệ giữa nhân dân với Đảng, Nhà nước.

- Về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:

+ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, **liên hiệp tự nguyện** của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo và **người Việt Nam định cư ở nước ngoài** (so với Cương lĩnh năm 1991, bổ sung “liên hiệp tự nguyện”; nhấn mạnh thêm yếu tố “người Việt Nam định cư ở nước ngoài”).

+ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một bộ phận của hệ thống chính trị, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân.

+ Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên vừa là người lãnh đạo Mặt trận. Mặt trận hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên.

- Về các đoàn thể nhân dân:

+ Các đoàn thể nhân dân tùy theo tính chất, tôn chỉ và mục đích đã được xác định, vận động, giáo dục đoàn viên, hội viên **chấp hành luật pháp, chính sách** (đây là điểm mới so với Cương lĩnh năm 1991).

+ Chăm lo, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên; giúp đoàn viên, hội viên nâng cao trình độ mọi mặt và xây dựng cuộc sống mới.

+ Tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

- Thái độ của Đảng, Nhà nước với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân: Đảng tôn trọng tính tự chủ, ủng hộ mọi hoạt động tự nguyện, tích cực, sáng tạo và chân thành lắng nghe ý kiến đóng góp của Mặt trận và các đoàn thể. Đảng, Nhà nước có cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để Mặt trận và các đoàn thể nhân dân hoạt động có hiệu quả, thực hiện **vai trò giám sát và phản biện xã hội** (so với Cương lĩnh năm 1991, bổ sung thêm “vai trò giám sát và phản biện xã hội”).

II- VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

1. Về Đảng Cộng sản Việt Nam

Về Đảng Cộng sản Việt Nam, Cương lĩnh năm 1991 viết như sau:

- Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

- Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản.

- Đảng lãnh đạo xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương công tác; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của đảng viên.

- Đảng giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể. Đảng không làm thay công việc của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

- Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng liên hệ mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Qua các nhiệm kỳ Đại hội, Đảng đã có nhiều bổ sung, phát triển về Đảng, chủ yếu như:

- Về bản chất của Đảng: đã bổ sung và xác định: “Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc”¹ (Đại hội X).

- Về nền tảng tư tưởng của Đảng: Trên cơ sở khẳng định của Cương lĩnh năm 1991 “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động”², đã phát triển nhận thức tư tưởng Hồ Chí Minh là “một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam”³. Đây là bước phát triển quan trọng tiếp theo trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta (Đại hội IX).

1, 3. *Sđd*, phần II, tr. 389, 66.

2. *Sđd*, phần I, tr. 423.

- Về phương thức lãnh đạo của Đảng: Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng phải đồng bộ với đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, đổi mới kinh tế. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị thông qua tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên hoạt động trong hệ thống chính trị (Đại hội IX, X).

Trên thực tế, Đảng đã đạt được những thành tựu chủ yếu là:

Vai trò, vị trí lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội tiếp tục được thể chế hoá trong Hiến pháp năm 1992: “Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, theo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội” (Điều 4, Hiến pháp năm 1992).

Trên cơ sở kế thừa Cương lĩnh năm 1991, những bổ sung, phát triển qua các kỳ Đại hội về Đảng, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) trình bày các nội dung:

- Về bản chất của Đảng:

Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của toàn dân tộc.

- Về nền tảng tư tưởng của Đảng:

+ Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động.

+ Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi.

- Về nguyên tắc tổ chức của Đảng:

Đảng lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản.

- Về vị trí, vai trò của Đảng trong xã hội:

Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội.

- Về phương thức lãnh đạo của Đảng:

+ Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn.

+ Bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động.

+ Tổ chức, kiểm tra.

+ Bằng hành động gương mẫu của đảng viên.

+ Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, giới thiệu những đảng viên ưu tú có

đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị.

+ Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu. Đảng thường xuyên nâng cao năng lực cầm quyền và hiệu quả lãnh đạo, đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

- Thái độ của Đảng với xã hội, nhân dân:

Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là bộ phận của hệ thống ấy. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Như vậy, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), có những bổ sung, phát triển cơ bản so với Cương lĩnh năm 1991 là:

- Bổ sung vào Cương lĩnh cách diễn đạt bản chất của Đảng đã được Đại hội XI thông qua: **“Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc”**¹.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr. 88.

So với Cương lĩnh năm 1991, ở đây, bổ sung thêm cụm từ “đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam”.

Với diễn đạt mới về Đảng, có hai loại ý kiến đánh giá khác nhau:

+ Thứ nhất, đây là “bước lùi” của Đảng theo xu hướng “hữu khuynh”. Đảng đang xa dần bản chất giai cấp công nhân của mình, trở thành “Đảng toàn dân”...

+ Thứ hai, diễn đạt mới về Đảng là một bước tiến trên con đường đổi mới.

Việc Đại hội X đưa ra cách diễn đạt mới không đồng nghĩa với việc Đảng từ bỏ bản chất giai cấp công nhân của mình vì khẳng định “Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân” được đặt lên trên, cũng như trong khẳng định “đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc” thì cụm từ “giai cấp công nhân” vẫn được đặt lên trước.

Trong thực tế hiện nay bắt đầu và chắc chắn càng về sau này, theo nguyên tắc phát triển, ranh giới giữa lợi ích “giai cấp công nhân” và lợi ích của “nhân dân lao động và của dân tộc” càng nhỏ dần, ngày càng thống nhất với nhau. Vì vậy, việc đưa ra cách diễn đạt mới về Đảng là phù hợp với xu thế khách quan. Đồng thời, cách diễn đạt mới còn làm cho Đảng trở thành trung tâm của đoàn kết toàn dân, toàn dân tộc, chống tư tưởng hẹp hòi, bản vị.

- Về nền tảng tư tưởng của Đảng: Tiếp tục khẳng định “Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động”, đồng thời bổ sung đoạn nói về tư tưởng Hồ Chí Minh để nhấn mạnh vai trò tư tưởng Hồ Chí Minh.

Việc Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) bổ sung đoạn nói về tư tưởng Hồ Chí Minh không hề có ý hạ thấp chủ nghĩa Mác-Lênin. Ngược lại, việc trình bày đó càng nâng cao hơn giá trị của chủ nghĩa Mác-Lênin vì trong đó khẳng định vai trò của chủ nghĩa Mác-Lênin đối với tư tưởng Hồ Chí Minh, chống lại sự xuyên tạc về sự mâu thuẫn của tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác-Lênin...

2. Về công tác xây dựng Đảng

Về công tác xây dựng Đảng, Cương lĩnh năm 1991 viết:

- Để đảm đương được vai trò lãnh đạo, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, phải *thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn*, ra sức nâng cao *trình độ trí tuệ, năng lực lãnh đạo*.

- Giữ vững *truyền thống đoàn kết thống nhất* trong Đảng, bảo đảm đầy đủ dân chủ và kỷ luật trong sinh hoạt đảng. Thường xuyên tự phê bình và phê bình, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội và mọi hành động chia rẽ, bè phái.

Đảng chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, có phẩm chất, năng lực, có sức chiến đấu cao.

- Đảng quan tâm bồi dưỡng, đào tạo lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng và của nhân dân.

Qua các nhiệm kỳ Đại hội, Đảng đã có nhiều bổ sung, phát triển về công tác Đảng, chủ yếu như:

- Xác định công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, phải tăng cường xây dựng Đảng về chính trị, hoàn thiện đường lối đổi mới và nâng cao năng lực tổ chức thực hiện; tăng cường công tác tư tưởng, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, đấu tranh chống suy thoái biến chất, tham nhũng, lãng phí; đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng và của hệ thống chính trị; kiện toàn và đổi mới hoạt động của tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên; đổi mới công tác cán bộ; đổi mới và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng.

- Điều chỉnh tiêu chuẩn đảng viên; đưa cụm từ “không bóc lột” trong tiêu chuẩn đảng viên lên phần nói về mục đích của Đảng trong Điều lệ Đảng; cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân (có điều kiện). Đảng cũng quy định 19 điều đảng viên không được làm để giữ vững bản chất của Đảng (Đại hội X).

Trên thực tế, Đảng đã đạt được những thành tựu chủ yếu là:

- Công tác đổi mới, chỉnh đốn Đảng đã đạt nhiều thành tựu quan trọng. Đảng kiên định bản chất cách mạng và khoa học, trung thành với giai cấp và dân tộc.

- Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được coi trọng, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tiếp tục đổi mới tư duy, khắc phục khuyết điểm chủ quan, duy ý chí.

- Dân chủ và đoàn kết thống nhất trong Đảng tiếp tục được phát huy. Cùng với việc cụ thể hoá nguyên tắc tập trung dân chủ, các Đại hội Đảng đã có nhiều quyết định về phát huy dân chủ trong Đảng, vừa phát huy dân chủ, vừa xác định rõ trách nhiệm và quyền hạn của mỗi cấp lãnh đạo, của mỗi người trong cấp lãnh đạo đó để cán bộ, đảng viên có thể giám sát hoạt động của cấp uỷ, ngăn ngừa và khắc phục tình trạng Đảng độc đoán, chuyên quyền, mất dân chủ hoặc dân chủ hình thức.

- Đảng quan tâm chỉ đạo xây dựng, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Nhiều quy định về chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng đã được xây dựng, phù hợp với yêu cầu của công tác xây dựng Đảng trong tình hình mới. Ban Chấp hành Trung ương khoá X đã có Nghị quyết chuyên đề về "Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên".

- Coi trọng việc nâng cao chất lượng phát triển Đảng và xây dựng đội ngũ đảng viên. Việc phát triển đảng viên mới trong công, nông, trí thức, trong các tổ chức kinh tế được chú trọng.

- Thực hiện nhất quán nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ đi đôi với phát huy trách nhiệm của tổ chức và người đứng đầu của tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ. Triển khai tương đối đồng bộ các khâu trong công tác cán bộ, từng bước nâng cao chất lượng công tác cán bộ và đội ngũ cán bộ.

- Phong cách, lề lối làm việc của các cấp uỷ đảng đã từng bước được đổi mới theo hướng khoa học, công khai, dân chủ, sát cơ sở hơn.

Trong thực tiễn, hoạt động của Đảng còn những hạn chế, yếu kém chủ yếu như:

- Công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về xây dựng Đảng và sự lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới còn bất cập. Không ít vấn đề lý luận về Đảng cầm quyền trong điều kiện kinh tế thị trường, xây dựng Nhà nước pháp quyền, dân chủ hoá và hội nhập quốc tế chưa được làm sáng tỏ, như việc: thể chế hoá cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”; Đảng vừa là thành viên Mặt trận, vừa lãnh đạo Mặt trận; mô hình tổ chức bộ máy của Đảng; tiêu chuẩn cán bộ, đảng viên trong thời kỳ mới... Nội dung và phương pháp của công tác chính trị, tư tưởng chậm đổi mới, tính chiến đấu, tính thuyết phục và hiệu quả chưa cao. Việc đấu tranh để bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước chưa chủ động, kịp thời, sắc bén.

- Sự suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, tệ quan liêu, xa dân, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa được ngăn chặn, đẩy lùi. Cuộc vận động “Xây dựng, chỉnh đốn Đảng” theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) chưa đạt yêu cầu. Dân chủ trong Đảng thực hiện chưa tốt. Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” chưa thực sự tạo được chuyển biến trong tư tưởng và hành động của cán bộ, đảng viên và nhân dân¹.

- Công tác tổ chức còn nhiều bất cập, chưa khắc phục tốt sự chông chéo chức năng, nhiệm vụ giữa bộ máy đảng và bộ máy nhà nước. Một số vấn đề tồn tại về tổ chức bộ máy đảng chậm được giải quyết, nhất là mô hình tổ chức đảng đoàn, ban cán sự đảng.

- Công tác cán bộ chậm đổi mới, thiếu những cơ chế, chính sách cụ thể để phát huy dân chủ, nâng cao chất lượng đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ. Chưa có cơ chế phát hiện và thu hút người tài; chưa có biện pháp khắc phục tình trạng hẫng hụt cán bộ; chưa có cơ chế từ chức, miễn chức nhằm kịp thời thay thế những cán bộ yếu kém, không hoàn thành nhiệm vụ, uy tín giảm sút.

1. Có ý kiến đề nghị cần cảnh báo sâu sắc hơn về những nguy cơ (tha hoá, biến chất, tham nhũng, tiêu cực) trong điều kiện một Đảng duy nhất cầm quyền.

- Sự đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng còn chậm và lúng túng, có lúc, có nơi ảnh hưởng đến tính năng động sáng tạo của các tổ chức trong hệ thống chính trị. Công tác kiểm tra, giám sát đạt hiệu quả còn thấp, tình hình vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước vẫn còn xảy ra ở nhiều nơi.

Trên cơ sở kế thừa Cương lĩnh năm 1991, những bổ sung, phát triển qua các kỳ Đại hội về công tác xây dựng Đảng, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) trình bày các nội dung:

- Để đảm đương được vai trò lãnh đạo, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

- Thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo.

- Giữ vững truyền thống đoàn kết thống nhất trong Đảng, bảo đảm đầy đủ dân chủ và kỷ luật trong hoạt động của Đảng. Thường xuyên tự phê bình và phê bình, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí và mọi hành động chia rẽ, bè phái.

- Đảng chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, có phẩm chất, năng lực, có sức chiến đấu cao theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; quan tâm bồi dưỡng, đào tạo lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc.

Như vậy, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) có những bổ sung, phát triển cơ bản so với Cương lĩnh năm 1991 là:

1 - Bổ sung hoàn chỉnh hơn phương thức lãnh đạo của Đảng.

2 - Bổ sung một số ý về yêu cầu rèn luyện, nâng cao phẩm chất đạo đức của đảng viên.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời nói đầu</i>	7
<i>Phần mở đầu</i>	
MỘT SỐ NHẬN ĐỊNH CHUNG VỀ NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA CƯƠNG LĨNH XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (bổ sung, phát triển năm 2011)	11
<i>Phần thứ nhất</i>	
VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM	17
I- Về những thắng lợi của cách mạng Việt Nam và bài học kinh nghiệm	17
II- Về bối cảnh thế giới và trong nước	24
III- Về đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng và phương hướng quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta	35
<i>Phần thứ hai</i>	
VỀ NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG LỚN TRÊN CÁC LĨNH VỰC KINH TẾ - XÃ HỘI	52
I- Những định hướng lớn về phát triển kinh tế	52
	165

- II- Những định hướng lớn về phát triển văn hoá, giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ và môi trường, xã hội, con người 84
- III- Những định hướng lớn về quốc phòng, an ninh và đối ngoại 114

Phần thứ ba

**VỀ CÁC ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG VÀ
HOÀN THIỆN HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ 134**

- I- Các định hướng về xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước pháp quyền 134
- II- Về Đảng Cộng sản Việt Nam và công tác xây dựng Đảng 152

Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. NGUYỄN DUY HÙNG
Chịu trách nhiệm nội dung
TS. HOÀNG PHONG HÀ

Biên tập nội dung: ThS. NGUYỄN MINH
ThS. TRƯƠNG DIỆP BÍCH
Trình bày bìa: PHÙNG MINH TRANG
Chế bản: ĐÀO THỊ BÍCH
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu: TRƯƠNG DIỆP BÍCH

In 2500 cuốn, khổ 13 x 19 cm. In tại XN in ACS Việt Nam
Km 10 Phạm Văn Đồng - Dương Kinh - Hải Phòng
Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 18 - 2011/CXB/58 - 110/CTQG
Giấy phép xuất bản số: 514/QĐ/NXBCTQG ngày 27/6/2011
In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 năm 2011